

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 255 - Năm thứ 24 - Tháng 02-2011

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : hopthu@thongluan.org

Mua báo : **Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France**



Xã luận

Một cơ hội mới cho Việt Nam ?



Những biến cố đã làm sụp đổ các chế độ độc tài Tunisia và Ai Cập và đang tràn sang các nước lân cận không khỏi khiến nhiều người tự hỏi phải chăng đây là một cơ hội mới cho Việt Nam ?

Những gì vừa xảy ra ít nhất cũng chứng minh một điều mà chúng ta không bao giờ nhắc lại đủ về một đặc tính chung của mọi chế độ độc tài bạo ngược, đó là cho tới ngay trước khi sắp sụp đổ chúng vẫn tỏ ra rất vững vàng. Cách đây hai tháng có ai nghĩ rằng các chế độ Ben Ali và Mubarak có thể sụp đổ nhanh chóng như vậy ? Kết luận quan trọng cần rút ra từ những biến cố này là không nên vì thấy các chế độ bạo ngược có vẻ vững vàng mà mất lòng tin. Chúng là những chế độ bệnh hoạn và có thể chết một cách rất đột ngột.

Tuy nhiên sẽ là một sự lạc quan ngây thơ nếu hy vọng rằng tình hình Việt Nam sẽ biến chuyển nhanh chóng chỉ vì tác động dây chuyền. Hơn hai mươi năm trước, khi cả khối cộng sản Liên Xô và Đông Âu sụp đổ cùng với bức tường Berlin, chúng ta còn có nhiều lý do gấp bội để tin rằng chế độ cộng sản Việt Nam sẽ cáo chung, nhưng nó đã trụ được. Phải hiểu ý nghĩa sâu xa của các biến cố đã và đang xảy ra mới có thể biết chúng có khả năng tạo ra một cơ hội cho Việt Nam hay không và nếu có phải khai thác nó như thế nào.

Các biến cố này mở đầu một làn sóng dân chủ mới. Thế giới đã chứng kiến ba làn sóng dân chủ trên thế giới, mỗi lần là kết quả của một tư tưởng chính trị đã chín muồi và nhắm san bằng một trở ngại trên lộ trình của các dân tộc về tự do và dân chủ.

- Làn sóng thứ nhất, với hai cuộc cách mạng Mỹ và Pháp cuối thế kỷ 18 đã nhắm đánh đổ các chế độ quân chủ thần quyền ; nó kéo dài tới đầu thế kỷ 20 với kết quả là đã buộc các chế độ quân chủ châu Âu phải từ bỏ thực quyền, đã làm sụp đổ đế quốc Ottoman và các chế độ quân chủ tại Nga và Trung Quốc.



- Làn sóng dân chủ thứ hai bắt đầu cùng với Thế Chiến II nhắm tiêu diệt các chủ nghĩa dân tộc sô-vanh, với kết quả cả ba nước Đức, Ý, Nhật và nhiều nước khác trở thành dân chủ.

- Làn sóng dân chủ thứ ba, khởi đầu năm 1974 nhắm loại bỏ các chế độ độc tài sống nhờ chiến tranh lạnh ; nó bắt đầu bằng cách đánh đổ các chế độ độc tài cánh hữu dựa vào chiêu bài chống cộng tại Bồ Đào Nha, Tây Ba Nha, Philippines, Đài Loan, Hàn Quốc, Hy Lạp, một số nước Nam Mỹ và Châu Phi ; sau cùng làm sụp đổ hầu hết mọi chế độ cộng sản.

Làn sóng dân chủ thứ tư vừa bắt đầu sẽ nhắm loại bỏ các chế độ độc tài mở cửa về kinh tế. Nó bắt đầu tại những nước Hồi Giáo Ả Rập bởi vì đó là những nước chín muồi nhất cho một sự thay đổi chế độ. Tham nhũng và cướp đoạt đã đạt tới mức tột cùng, đồng thời vấn đề đưa Hồi Giáo về đúng vị trí của một tôn giáo đáng lẽ đã phải giải quyết từ lâu vẫn chưa được giải quyết. Giai đoạn mở đầu này có thể kéo dài một hai năm, sau đó sẽ đến lượt Việt Nam và Trung Quốc. Chúng ta quả là có một cơ hội và cũng có thì giờ để chuẩn bị cho cơ hội đó.

Nhưng chuẩn bị như thế nào ? Nếu quan sát mọi cuộc cách mạng trên thế giới chúng ta đều thấy là có bốn điều kiện cần và đủ cho một cuộc cách mạng : sự vô lý của chế độ được phơi bày rõ rệt và toàn dân muốn thay đổi ; sự ruồng rớt và phân hóa vì mất lý tưởng và chính nghĩa của đảng cầm quyền ; đồng thuận dân tộc trên một chế độ mới và một dự án quốc gia mới ; sau cùng là một tổ chức mạnh để tập trung và thực hiện những nguyện vọng đổi đời. Có đủ bốn điều kiện đó thì một cuộc cách mạng chắc chắn sẽ xảy ra.

Chúng ta đã có hai điều kiện đầu và cũng gần như có điều kiện thứ ba. Điều mà chúng ta thiếu, cũng là điều không thể thiếu để có thay đổi chế độ, đó là một tổ chức dân chủ mạnh.

Tổ chức dân chủ này phải được xây dựng song song với cố gắng hình thành các tổ chức chính trị và phi chính trị không lệ thuộc chính quyền cộng sản, nghĩa là cố gắng xây dựng xã hội dân sự. Chúng ta có thời giờ để đáp ứng điều kiện bắt buộc này, nhưng không nhiều. Và một cơ hội chỉ thực sự là một cơ hội cho những ai đã chuẩn bị để chờ đợi nó.

Chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội rất lớn khi bức tường Berlin sụp đổ, đừng để thành tích đáng buồn này lặp lại.

Thông Luận

Chế độ cộng sản sẽ còn kéo dài tới bao giờ ?

Nguyễn Gia Kiểng

Không phải chỉ những người đối lập mà ngay các trí thức có danh phận hàng đầu của chế độ hợp để góp ý cho đại hội đảng cũng khăng định từ Đại Hội XI, đảng và chế độ cộng sản sẽ bắt đầu giai đoạn sụp đổ. Đại Hội XI của Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa qua đã xác nhận điều đó.

Đại Hội XI đã không đạt tới được đồng thuận về một định hướng hay một dự án nào, mà chỉ nhắc lại một cách ngược ngạo là tiếp tục "phát triển Cương lĩnh năm 1991 để làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước". Nhưng cương lĩnh năm 1991 là gì ? Đó là quyết định của Đại Hội 7 chặn đứng đà đổi mới chính trị khởi đầu từ Đại Hội 6 cuối năm 1986 để cầu hòa với Trung Quốc và rập khuôn theo Trung Quốc với hy vọng có thể cố thủ và tồn tại.

Nhưng làm sao có thể tiếp tục một chính sách đã được quyết định cách đây 20 năm trong một thế giới thay đổi đốn dập hàng ngày ? Không một chính đảng nào trên thế giới, dù là đảng cầm quyền hay đảng đối lập, có thể tuyên bố như thế mà không sợ biến thành trò cười, Đảng Cộng Sản Việt Nam đúng là một ngoại lệ. Đồng thuận duy nhất của đại hội, và được nhắc lại trong mọi phát biểu, là phẩm chất cán bộ của đảng đã sa sút nghiêm trọng. Trong một tình trạng như vậy dĩ nhiên vấn đề nhân sự lãnh đạo không thể giải quyết.

Việc chỉ định tổng tí thư và Bộ Chính Trị vừa qua không phải là giải đáp mà chỉ chứng tỏ sự thiếu vắng giải đáp, hay tệ hơn nữa một bế tắc không lối thoát. Liên minh Đỗ Mười - Lê Đức Anh, đã bảo đảm sự ổn định chính trị trong đảng trong hai thập niên qua, không còn nữa. Hai ông này đã chia rẽ nhau và đều đã bất lực. Ông Lê Đức Anh không đưa được ông Nguyễn Tấn Dũng vào chức tổng tí thư, cũng như ông Đỗ Mười không áp đặt được ông Trương Tấn Sang, và cả hai ông đều không ngăn cản được ông Nguyễn Phú Trọng.

Nhưng không phải vì thế mà ông Trọng trở thành người lãnh đạo thực sự của đảng, ông là người có số phiếu thấp trong số những người được bầu vào Bộ Chính Trị và chỉ là một tổng tí thư hình thức bởi vì không ai đủ hậu thuẫn và uy tín để giữ chức vụ này. Thực ra Đảng Cộng Sản Việt Nam không có tổng tí thư. Mặc dù nó vẫn tiếp tục đàn áp thô bạo, chế độ cộng sản chỉ còn là một hư cấu và sẽ không thể thích nghi với trật tự thế giới hậu khủng hoảng đang hình thành. Nó thiếu cả ý kiến và lãnh đạo. Nó không có ý kiến vì nó không thể có ý kiến, vì mọi ý kiến đúng đắn đều dẫn tới kết luận hiển nhiên là chế độ này vô lý và phải chấm dứt. Nó không thể có những người lãnh đạo đúng nghĩa vì bộ máy sàng lọc của nó đã loại bỏ hết những con người có trí tuệ và đạo đức.

Tình trạng xuống cấp của Đảng Cộng Sản Việt Nam là hậu quả tự nhiên của chính sách mở cửa kinh tế. Một chế độ độc tài mở cửa về kinh tế bắt buộc phải bị đào thải. Đào thải sớm hay muộn và nhường chỗ cho cái gì là một câu hỏi khác nhưng bắt buộc phải bị đào thải.

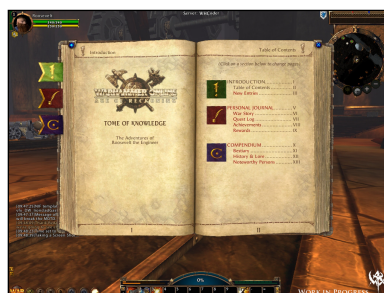
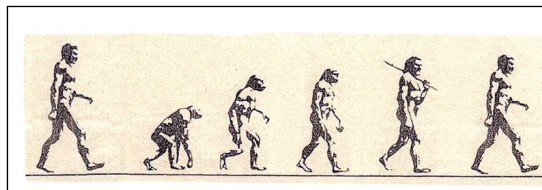
Tại sao ? Bởi vì nó áp đặt lên một xã hội ngày càng có sức mạnh và được thông tin đầy đủ những chịu đựng ngày càng không thể chấp nhận. Mất tự do thực ra đồng nghĩa với mất phẩm giá và tư cách con người, đó là những điều mà người ta chỉ có thể quên đi trong một hoàn cảnh thiếu thốn cùng cực.

Chế độ độc tài áp đặt sự nhục nhằn đó nhân danh mục tiêu phát triển kinh tế, trong nhiều trường hợp chỉ có nghĩa là ra khỏi tình trạng nghèo khổ mà chính nó là nguyên nhân. Vì thế nó phải bị đào thải dù thành công hay thất bại trong mục tiêu này. Nếu thất bại, nó không có lý do gì để tiếp tục tồn tại. Nếu thành công, nó đã làm xong sứ mệnh và cũng phải chấm dứt vì xã hội đã thay đổi trong quá trình mở cửa. Kinh tế càng tăng trưởng, cuộc sống càng thoải mái hơn thì sự tước đoạt tự do càng khó chấp nhận ; những nhu cầu vật chất ngày càng nhường chỗ đứng ưu tiên cho những đòi hỏi tinh thần, con người càng bớt lệ thuộc vào chính quyền và càng có khả năng đòi hỏi hơn. Họ cũng được thông tin đầy đủ hơn để nhận ra sự tầm thường của những người cầm quyền. Người ta cũng ngày càng rời nông thôn về thành thị, mọi trường tự nhiên của dân chủ.

Chính sách mở cửa kinh tế đã được thực hiện từ gần ba mươi năm rồi, trong hầu hết mọi quốc gia thời gian đó đủ để chế độ độc tài bị đào thải nhường chỗ cho một chế độ dân chủ. Tuy vậy, theo một nghiên cứu của tổ chức Freedom House, mà chúng ta chỉ có thể đồng ý, Việt Nam đã không hề có tiến bộ nào đáng kể về mặt dân chủ trong hai mươi năm qua. Chúng ta quả là một ngoại lệ, và một ngoại lệ đáng buồn. Tại sao ?

Cần gạt ngay một lập luận hoàn toàn sai, theo đó Việt Nam chưa có dân chủ vì dân trí Việt Nam kém. Tất cả các nước dân chủ đều đã có dân chủ vào lúc dân trí của họ còn rất thấp so với Việt Nam hiện nay. Mỹ và các nước Châu Âu đã thiết lập chế độ dân chủ vào lúc mà đa số dân chúng là những nông dân không biết đọc biết viết, chưa có radio, tivi, điện thoại di động, internet, cũng chưa có ngay cả xe đạp, xe máy. Dân chủ là một bước tiến trí tuệ do các trí thức đề xướng và thiết lập. Các nước dân chủ đã có dân chủ nhờ có được một đội ngũ trí thức xứng đáng. Thay vì biện luận một cách xúc phạm là dân trí Việt Nam thấp, trí thức Việt Nam nên lương thiện nhìn nhận là chính mình kém. Trí thức Việt Nam quả là một ngoại lệ. Và một ngoại lệ lớn đến nỗi cần phải đặt lại câu hỏi chúng ta có những trí thức đúng nghĩa hay không.

Người trí thức dĩ nhiên cần có một vốn liếng hiểu biết nào đó, nhưng đó không phải là điều quan trọng nhất. Điều quan trọng hơn nhiều là người trí thức phải biết tự đặt cho mình những vấn đề và tự tìm giải đáp của mình cho những vấn đề đó. Bộ nhớ của một máy vi tính có thể chứa đựng rất nhiều kiến thức và lý luận cao siêu nhưng không phải vì thế mà chiếc máy vi tính là một trí thức. Cái không bình thường của đa số trí thức Việt Nam là chỉ học để có kiến thức, trong nhiều trường hợp chỉ



là để được coi là có kiến thức qua bằng cấp, và để lập lại những lý luận có sẵn, với mục đích là để có được một địa vị trong xã hội. Suy nghĩ độc lập, bằng cái đầu của chính mình, không phải là sở trường của trí thức Việt Nam. Nhưng nói rằng trí thức Việt Nam chỉ có kiến thức chứ không biết suy nghĩ cũng không đúng hẳn. Có ít nhất một lãnh vực mà trí thức Việt Nam hầu như không biết gì mà còn có những thành kiến rất sai, đó là chính trị, tư tưởng chính trị cũng như đấu tranh chính trị. Không phải là vì chính trị khó mà là vì trí thức Việt Nam không chịu học hỏi. Sự từ chối học hỏi này có nguyên nhân từ di sản văn hóa và lịch sử.



Trong suốt dòng lịch sử kẻ sĩ, rồi trí thức, coi học là cốt để làm quan hay để có được một địa vị trong xã hội, nói cách khác để làm dụng cụ cho một quyền lực sẵn có chứ không phải để thay đổi xã hội. Trong cách học này không có chỗ cho chính trị, bộ môn có mục đích phê phán và thay đổi chính quyền. Trong cách học này người ta chỉ cần nhắc lại một cách thật đúng những gì được coi là chính thống.

Thêm vào đó trí thức Việt Nam lại còn là sản phẩm của một hệ thống giáo dục và đào tạo trong đó nhưng người thi đậu những khóa thi thơ phú được bổ nhiệm làm quan cai trị dù tuyệt đối không biết gì về chính trị. Hệ thống này để lại một di sản mà có lẽ chỉ có trí thức Việt Nam và Trung Quốc không thấy là kỳ cục, đó là tưởng rằng có thể làm chính trị mà không cần học học chính trị. Sự kiện ngày nay nhiều người có bằng thạc sĩ kinh doanh - hay nha sĩ hay cử nhân hóa học - tự cho là có thẩm quyền để nói về chính trị, thậm chí có thể làm bộ trưởng, là một tiếp nối tự nhiên của truyền thống bổ nhiệm những cử nhân, tiến sĩ ngày xưa làm quan chức.

Do trực tiếp chịu đựng hậu quả của những "chính trị gia" như thế quần chúng Việt Nam phần nào cũng bị nhiễm độc. Trong một thời gian, đặc biệt là tại hải ngoại, không thiếu gì những người không có bất cứ một sự hiểu biết nào hay một kinh nghiệm nào về chính trị thỉnh linh hứng chí nhảy ra thành lập tổ chức đấu tranh. Nếu có một điều cần được nghĩ lại thì đó là chính trị đòi hỏi một cố gắng học hỏi rất quan trọng. Không học thì không biết là điều đúng cho mọi trường hợp nhưng càng đúng cho chính trị.

Di sản lịch sử còn để lại cho trí thức Việt Nam một tật nguyên nghiêm trọng khác : ngại biện. Do tập quán trong hàng nghìn năm phải phục tùng tuyệt đối và không điều kiện các vua chúa, sau đó là đảng, không những phải chấp hành mà còn phải ca tụng những mệnh lệnh bất nhân bất nghĩa. Kẻ sĩ, rồi trí thức, Việt Nam có thể vì những lý do hoàn toàn cá nhân, như quyền lợi hoặc khiếp sợ, chấp nhận những chọn lựa mà trong thâm tâm mình cũng biết là sai rồi biện luận để bào chữa cho chúng như là những chọn lựa đúng. Tập quán tệ hại này ngăn cản mọi thảo luận nghiêm chỉnh.

Một thí dụ điển hình về sự hệt hăng của trí thức Việt Nam là có rất nhiều người cho rằng con đường đúng nhất để dân chủ hóa đất nước là phục tùng chế độ, hợp tác với nó và cải tiến nó từ bên trong. Lập trường này lôi kéo được đa số trí thức Việt Nam vì sự tiện nghi của nó, nhưng nó sai hoàn toàn. Thay đổi xã hội là một vấn đề đã được nghiên cứu rất đầy đủ và mọi nghiên cứu đều kết luận ngược lại. Muốn thay đổi một chính quyền xấu thì phải phản kháng nó, phản kháng một cách ôn hòa và xây dựng nếu có thể được nhưng phải phản kháng. Phục tùng và hợp tác



với một chế độ bạo ngược và tham nhũng chỉ củng cố nó chứ không thay đổi được nó, trái lại người ta sẽ đánh mất chính mình và bị lưu manh hóa. Hàng triệu kẻ sĩ Trung Quốc và Việt Nam trong hàng ngàn năm đã quỳ mọp trước các vua chúa để tâu đạo lý thánh hiền nhưng đã không thay đổi được các chế độ quân chủ mà chỉ khiến chúng trở thành khắc nghiệt hơn với thời gian. Nếu trí thức Việt Nam chịu bỏ ra một chút thời giờ, chỉ một chút thời giờ thôi, để học hỏi và suy nghĩ thì cái lập luận "hợp tác để cải tiến từ bên trong" đã không thể có.

Một thí dụ khác là lập luận cho rằng cứ gác lại những đòi hỏi chính trị và tập trung cố gắng vào phát triển kinh tế (và như vậy nên hợp tác với chính quyền hoặc ít nhất không phản đối) rồi tăng trưởng kinh tế tự nó sẽ đưa đến dân chủ. Lập luận này có vẻ có bài bản, vì quả nhiên trong nhiều trường hợp người ta đã thấy dân chủ và phát triển đi song song với nhau và mọi nghiên cứu đều ghi nhận điều này. Nhưng chỉ cần nhìn sâu hơn một chút thôi thì ta cũng thấy đây hoặc là một nguy hiểm, hoặc là một ngộ nhận. Dân chủ đưa đến phát triển kinh tế là điều chắc chắn không ai chối cãi và mọi nghiên cứu đều xác nhận, nhưng điều ngược lại không đúng.

Nói rằng tăng trưởng kinh tế đưa đến dân chủ là lẫn lộn nguyên nhân với hậu quả. Điều chắc chắn là mở cửa kinh tế, và tăng trưởng kinh tế sau đó, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành dân chủ, như phần trên của bài này đã trình bày, với điều kiện là có tranh đấu. Nếu không có đấu tranh chính trị đủ mạnh thì cũng không có gì thay đổi cả. Có nhiều triển vọng là những người sử dụng lập luận này không thành thực mà chỉ ngại biện, bởi vì trong hơn hai mươi năm qua mặc dù kinh tế đã tăng trưởng nhiều nhưng chế độ độc tài vẫn không thay đổi và sự kiện này không hề làm họ phiền lòng.

Sự lố bịch của lập luận "tăng trưởng kinh tế tự nó đưa đến dân chủ" thể hiện rõ ràng trong trường hợp mà các nhà nghiên cứu chính trị gọi là "tai họa dầu lửa" (the oil curse) các nước có dầu lửa tăng trưởng kinh tế rất nhanh chóng nhưng đều là những nước không dân chủ, đôi khi, như tại Nga và Venezuela, ngân khố dồi dào còn cho phép chính quyền bóp nghẹt dân chủ. Một lần nữa, nếu trí thức Việt Nam chịu bỏ chút thời giờ để đọc những nghiên cứu về dân chủ, lập luận này đã bị gạt bỏ từ lâu rồi.

Các nghiên cứu về dân chủ và tiến trình dân chủ hóa rất nhiều. Điều này dễ hiểu vì dân chủ và dân chủ hóa là những vấn đề quan trọng nhất trên thế giới từ một nửa thế kỷ qua, đồng thời cũng là những vấn đề quyết định tương lai của mỗi quốc gia. Không thể và cũng không cần đọc hết những nghiên cứu này bởi vì tựu chung, qua những cách tiếp cận và lý luận khác nhau, chúng đều đi đến những kết luận giống nhau. Điều này có tầm quan trọng đặc biệt

vì chúng tỏ những kết luận này đáng được coi là chắc chắn. Những kết luận này chúng ta đều có thể cảm nhận hoặc dự đoán, đóng góp của những nghiên cứu này là chúng được thực hiện một cách qui mô và khoa học, dựa trên những dữ kiện cụ thể trong rất nhiều quốc gia thuộc những văn hóa rất khác nhau cho nên những kết luận của chúng không phải chỉ là những suy luận mà phải được coi là những sự thực đằng sau các sự kiện và số liệu.

Các nghiên cứu khác nhau ở mục tiêu và cách tiếp cận. Thí dụ như cuốn *Dân chủ và Dân chủ hóa* (Democracy and Democratization) của Georg Sorensen (1) nhằm trình bày và giải thích khái niệm dân

chủ, những lý do đưa đến những thăng trầm của trào lưu dân chủ trên thế giới và ảnh hưởng của dân chủ trên kinh tế, văn hóa và quan hệ quốc tế. Kết luận là dân chủ đưa đến phát triển về mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và cũng rất cần thiết cho hòa bình trên thế giới.

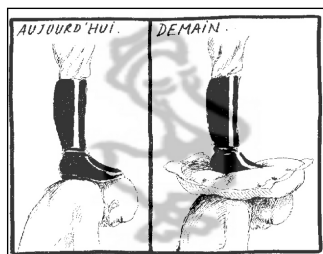
Nghiên cứu nổi tiếng của Seymour Martin Lipset (2) đã cho thấy có một quan hệ mật thiết giữa phát triển và dân chủ, theo đó tăng trưởng kinh tế tuy không phải là điều kiện cần, cũng không phải là điều kiện đủ, để có dân chủ nhưng là một yếu tố rất thuận lợi cho tiến trình dân chủ hóa.

Nghiên cứu rất qui mô của tổ chức Values Survey về sự chuyển hóa từ độc tài sang dân chủ do Ronald Inglehart và Christian Welzel (3) hướng dẫn đã tổng hợp một khối lượng dữ kiện khổng lồ trên hơn 80 quốc gia để đi tới một kết luận chắc chắn là sự khá giả vật chất luôn luôn có tác dụng đẩy mọi xã hội, trong tất cả mọi nền văn minh, về cùng một hướng là tăng cường tự do cá nhân, kích thích sự hình thành của các tổ chức trong xã hội dân sự, giải phóng quần chúng khỏi sự chi phối của chính quyền và thúc đẩy họ kết hợp với nhau đòi dân chủ.

Một nghiên cứu lớn khác của O'Donnell và Schmitter (4), đặt trọng tâm vào giới cầm quyền, cho thấy là tăng trưởng kinh tế không những chỉ tăng sức mạnh và ảnh hưởng của xã hội dân sự mà còn làm tan vỡ tập đoàn cầm quyền do xung đột giữa khuynh hướng côi và khuynh hướng thủ cựu. Cả hai phe đều muốn cứu chế độ nhưng sự xung đột của họ đưa tới hậu quả là khiến chế độ bị phân hóa và sụp đổ nhanh hơn. Điều cần được nhấn mạnh ở đây là hiện tượng tự tách hay tự vỡ của đảng cầm quyền là hậu quả của những áp lực đến từ xã hội chứ không phải tự nhiên mà có. Như vậy không thể chờ đợi đảng cộng sản tự vỡ hay tự tách nếu không có chống đối từ bên ngoài.

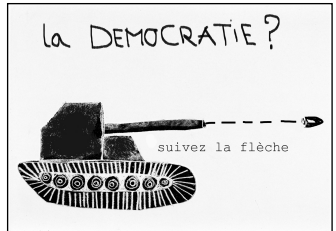
Cũng có rất nhiều những nghiên cứu, ít quy mô và nặng tính lý luận hơn, về phương thức đấu tranh cho dân chủ. Một thí dụ là cuốn *Từ Độc Tài Đến Dân Chủ* (From Dictatorship to Democracy) của Gene Sharp đã được *Thông Luận* dịch ra tiếng Việt. Cũng nên kể cuốn sách rất nên đọc của Larry Diamond, *The Spirit of Democracy* (5), tóm lược một cách khá đầy đủ những công trình nghiên cứu lớn về cuộc đấu tranh xây dựng dân chủ trên thế giới.

Một người bạn sau khi miệt mài nghiên cứu nhiều tác phẩm về đấu tranh xây dựng dân chủ, kể cả những tác phẩm kể trên, nói với tôi : *"Những cuốn sách này không dùng được cho Việt Nam, chúng đều dựa trên tiền đề là đã có sẵn một xã hội dân sự gồm những tổ chức không lệ thuộc nhà nước độc tài, đó không phải là trường hợp của Việt Nam, chúng ta chưa có những tổ chức không lệ thuộc chính quyền, chúng ta chưa có xã hội dân sự"*. Quá đúng ! Các nhà nghiên cứu này đều cho rằng trong bất cứ một xã hội nào, dù dưới một chế độ độc tài khắc nghiệt như thế nào, cũng vẫn có những tổ chức không lệ thuộc chính quyền. Họ không thể tưởng tượng được là có thể có một quốc gia như Việt Nam.



Chúng ta là một ngoại lệ, và một ngoại lệ quá lớn. Kết hợp thành tổ chức, trừ những liên kết nghề nghiệp nhỏ và có mục tiêu rất cụ thể, luôn luôn do các trí thức chủ xướng. Trí thức Việt Nam không bình thường.

Đến đây chúng ta đã có câu trả lời cho câu hỏi "Chế độ cộng sản sẽ còn kéo dài tới bao giờ?". Nó sẽ còn kéo dài chừng nào Việt Nam vẫn còn là một ngoại lệ, trí thức Việt Nam vẫn không bình thường. Nó có thể phân hóa, ruồng rớt, thậm chí ngã gục trên chính quyền nhưng nó vẫn còn đó nếu không có một sức mạnh nào để kéo thi thể nó đi chỗ khác.



Một cách tích cực ta cũng có thể nói là chế độ cộng sản sẽ nhường chỗ cho một chế độ dân chủ khi trí thức Việt Nam không còn là ngoại lệ, nghĩa là đã ý thức được rằng điều kiện bắt buộc để giành thắng lợi cho dân chủ là phải xây dựng một xã hội dân sự đúng nghĩa, và cố gắng kết hợp với nhau thành những tổ chức chính trị và phi chính trị không lệ thuộc chính quyền. Cũng như quyền tự do ngôn luận, quyền tự do kết hợp là quyền mà mọi tập đoàn toàn trị đều muốn cấm tuyệt đối nhưng không cấm được vì không có biên giới rõ rệt giữa những kết hợp tự nhiên bắt buộc phải có trong một sinh hoạt kinh tế thị trường và những kết hợp có tiềm năng tạo áp lực thay đổi chế độ. Ta có thể từng bước mở rộng không gian chính trị ngoài chính quyền.

Sở dĩ cho đến nay chúng ta chưa có những tổ chức chỉ vì trí thức Việt Nam chưa nghĩ đến chứ không phải là vì không thể có. Hãy cứ đặt kết hợp và đấu tranh giành quyền tự do kết hợp thành những ưu tiên hàng đầu rồi chúng ta sẽ nhìn thấy phải làm như thế nào để đạt kết quả.

Xã hội Việt Nam đã chín muồi cho một cuộc chuyển hóa về dân chủ, trí thức Việt Nam cũng đã tích lũy một vốn kiến thức phong phú và đa dạng rất đầy đủ, chỉ thiếu văn hóa và phản xạ tổ chức, điều mà chúng ta có thể học hỏi không khó, sau đó tình hình có thể thay đổi nhanh chóng. Ngay lúc này điều mà chúng ta có thể làm ngay là yểm trợ trực tiếp hoặc gián tiếp những cố gắng đấu tranh có tổ chức, và nếu vì một lý do nào không thể hưởng ứng các cố



gắng đó thì cũng đừng biện luận rằng có thể đấu tranh cho dân chủ mà không cần kết hợp hoặc chưa phải lúc kết hợp. Đấu tranh chính trị bao giờ cũng là đấu tranh có tổ chức và không bao giờ là đấu tranh cá nhân cả, và chúng ta đã quá chậm trễ.

Một lời sau cùng : trình độ tiến hóa của một dân tộc được đánh giá theo mức độ phát triển của xã hội dân sự, nghĩa là số lượng và phẩm chất của các tổ chức ngoài chính quyền. Về điểm này thì dân tộc ta, nhất là lớp trí thức của chúng ta, dù đã đạt tới một trình độ kiến thức cao hơn cả một số dân tộc đã có dân chủ, vẫn còn quá tụt hậu. Đây là một điều rất không bình thường mà chúng ta phải khắc phục.

Phải chấm dứt ngoại lệ Việt Nam để trở thành một dân tộc văn minh, xứng đáng có tự do và dân chủ.

Nguyễn Gia Kiểng

Các nghiên cứu nên đọc :

1. Georg Sorensen, *Democracy and Democratization*.
2. Seymour Martin Lipset, *Some Social Requisites of Democracy : Economic Development and Political Legitimacy*.
3. Inglehart and Welzel, *Modernization, Cultural change and Democracy*.
4. O'Donnell and Schmitter, *Transitions from Authoritarian Rule*.
5. Larry Diamond, *The Spirit of Democracy, the Struggle to build Free Societies throughout the Word*.

Cuộc nổi dậy của dân chúng Ả Rập

Bài học cho những chế độ độc tài

Nguyễn Văn Huy

Cái gì phải đến đã đến. Sau 30 năm độc quyền lãnh đạo Ai Cập, ngày 11-2-2011, tổng thống Hosni Mubarak của Ai Cập đã phải từ chức trước áp lực của đường phố. Trước đó một tháng, ngày 14-1-2011, tổng thống Zine el-Albidine Ben Ali của Tunisia cũng đã phải trốn chạy trước sự nổi dậy của quần chúng sau 23 năm cai trị đất nước với bàn tay sắt.

Cuộc cách mạng hoa lài tại Tunisia không ngờ đã tạo ra một ảnh hưởng dây chuyền khuyến khích quần chúng Ả Rập tại khắp nơi vượt lên nỗi sợ xuống đường đòi tự do, cơm áo và công lý. Sau Tunisia và Ai Cập, sẽ đến lượt các quốc gia Ả Rập độc tài khác : Algeria, Yemen, Syria...

Các chính quyền độc tài Ả Rập đã gần như bất lực trong việc đánh dẹp những cuộc nổi dậy này vì không có lãnh đạo. Không riêng gì tại Tunisia và Ai Cập, các chế độ độc tài đều tin rằng tiêu diệt đối lập là biện pháp an toàn nhất cho họ khi nắm chính quyền. Ít có chế độ độc tài nào tin rằng sẽ có ngày họ bị mất chính quyền, do đó không hề nghĩ đến việc cho phép đối lập hoạt động hay thương lượng với đối lập để tìm một giải pháp chung cho đất nước hay một lối thoát an toàn.

Chính vì không biết thương lượng với ai để nhường quyền lãnh đạo, tổng thống Ben Ali đã phải bỏ chạy để tránh bị công lý đường phố xét xử. Cũng chính vì không biết thương lượng với ai, tổng thống Mubarak phải trao quyền lãnh đạo cho quân đội để rút lui vào bóng tối. Hậu quả của sự thiếu vắng một đối lập ôn hòa, phe cánh của tổng thống Ben Ali còn kẹt lại Tunisia đang là nạn nhân của những cuộc trả thù báo oán của đường phố. Trong những ngày sắp tới, gia đình tổng thống Mubarak cũng sẽ khó trả lời trước công lý về những tài sản mà họ đã sở hữu khi nắm chính quyền.

Thấy trước mối nguy không có đối lập này, các chính quyền độc tài Ả Rập khác tại Algeria, Yemen và Syria đang tìm cách xoa dịu sự nổi giận của quần chúng bằng cách tung tiền để tăng lương công chức, tài trợ giá cả, cho ra đời những tổ chức đối lập cuối để xoa dịu sự phẫn nộ của quần chúng. Nhưng những gian trá này đã không che mắt được ai, quần chúng càng nổi giận hơn trước những màn bịp bợm này. Một tổ chức đối lập lương thiện không thể được thành lập qua một cái búng tay, đó là cả một quá trình đấu tranh có lý luận và có tổ chức với những gương mặt lương thiện được quần chúng và dư luận quốc tế biết đến.

Tại Tunisia, vì không có một tổ chức đối lập nào có tầm vóc, cuộc tranh giành vào những chức vụ quan trọng trong chính quyền đã diễn ra gần như vô trật tự, không ai chịu nhường ai và cũng không ai phục tùng ai. Tunisia đang ở trong tình trạng vô chính phủ. Tại Ai Cập càng nguy hiểm hơn, tổ chức đối lập duy nhất có tổ chức là nhóm Huynh Đệ Hồi giáo (Muslim Brotherhood), đây là một tổ chức khủng bố đã từng ám sát và đặt bom giết người Ai Cập và bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Trong khi đó, những trí thức có tên tuổi như Mohamed El Baradei được cả thế giới biết tới nhưng không có tổ chức nên không thể tranh thủ được sự ủng hộ của quần chúng. Sinh hoạt chính trị tại Ai Cập trong những ngày sắp tới sẽ rất gay go giữa một bên là nhóm Hồi giáo quá khích có tổ chức và một bên là những trí thức không có tổ chức. Nếu xã hội Ai Cập tiếp tục bất ổn, chắc chắn quân đội sẽ nắm lại quyền hành như Mubarak đã từng làm trước đây 30 năm.

Bài học thứ nhất mà các chế độ độc tài đương quyền cần rút ra là hãy gấp rút cho phép các tổ chức đối lập tự do hoạt động trong nước. Chỉ qua những tổ chức đối lập lương thiện, những thương lượng về chuyển giao quyền hành sẽ không đổ máu và diễn ra trong hòa bình và tinh thần hòa giải dân tộc. Phải trả tự do cho những tù nhân chính trị và những nhà đối lập. Đây là một bảo đảm trước dư luận quốc tế đồng thời cũng là một bảo đảm cho chính mình khi sa cơ thất thế. Giờ cáo chung của các chế độ độc tài đang điểm, sau các chế độ độc tài Ả Rập và Hồi giáo sẽ đến lượt các chế độ độc tài Châu Á, trong đó có Việt Nam.

Một đặc điểm khác của các chế độ độc tài là sự giàu có tột bực của những người cầm quyền. Tài sản của mỗi người phải tính bằng tỷ Mỹ kim. Trong suốt 30 năm cầm quyền, tài sản của gia đình tổng thống Mubarak được giới quan sát thời cuộc ước tính từ 40 đến 70 tỷ USD, gấp 10 lần tài sản của tổng thống

Ben Ali, khoảng 4 tỷ USD. Trước những tài sản kết sù này, quần chúng nào có thể làm ngơ? Sự giàu có của những người này thách đố sự nghèo khó chung của cả một dân tộc. Hiện nay một phong trào "săn lùng phù thủy", tức những người thân cận với các chính quyền Ben Ali và Mubarak, đang diễn ra khắp nơi. Tại Tunisia và Ai Cập, quần chúng bắt đầu truy lùng và tịch thu tài sản bất chính của những người đã từng hợp tác với chế độ độc tài. Cuộc săn lùng này cũng được diễn ra trên toàn thế giới, các quốc gia đã từng ủng hộ những chế độ độc tài này, như Thụy Sĩ và các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu, đang lập danh sách tài sản và tài khoản ngân hàng của phe cánh Ben Ali và Mubarak để trao lại cho nhân dân Tunisia và Ai Cập.

Đó là chưa kể những cuộc trả thù báo oán giữa những nạn nhân và những người đã từng đàn áp và tước đoạt tài sản của họ trước kia, đó là những cấp chính quyền, công an và cảnh sát, viên chức thuế quan địa phương. Tài sản của những người này không do đồng lương tạo ra mà do tham nhũng. Hiện nay hàng người Tunisia đã dùng tàu thuyền vượt thoát sang các quốc gia Châu Âu xin tị nạn vì sợ báo thù trả oán. Không biết trong những ngày sắp tới những tay chân của Mubarak tại Ai Cập sẽ xin tị nạn tại đâu?

Bài học thứ hai cần rút ra là trả lại tự do cho xã hội dân sự nhằm xoa dịu sự bức tức của quần chúng, nhất là giới trẻ. Đặc điểm chung của các chế độ độc tài là tuổi trẻ chiếm hơn 50% dân số, đa số đều không có công ăn việc làm mặc dù tốt nghiệp với những bằng cấp cao. Các chính quyền độc tài phải tỏ ra cương quyết trong việc bài trừ tham nhũng, căn bệnh ung thư đang tấn công vào chế độ. Sự thù ghét của dân chúng đối với chế độ phần lớn nhắm vào những quan chức tham nhũng.

Những cuộc nổi dậy của người Ả Rập cũng là bài học đối với chính quyền cộng sản Việt Nam. Bối cảnh xã hội Việt Nam không khác gì các quốc gia Ả Rập : vật giá leo thang, sự giàu có của các cấp cầm quyền thách đố sự nghèo khó chung của cả dân tộc, các viên chức chính quyền đều tham nhũng và đại đa số thanh niên không có công ăn việc làm. Trả lại tự do cho xã hội dân sự, chấp nhận sự hình thành các tổ chức đối lập và tự do truyền thông là lối thoát an toàn cho chính chế độ.

Nguyễn Văn Huy



Tham luận

Doanh nhân và dân chủ

Diệt Hoàng

Doanh nhân có thể hiểu đơn giản là những người làm kinh doanh hoặc thương mại lớn, có tầm cỡ nhất định. Những bà già "buồn thúng bán mẹt" cũng là người kinh doanh nhưng không ai gọi họ là doanh nhân.

Chủ doanh nghiệp cũng là doanh nhân vì họ phải kinh doanh sản phẩm của họ làm ra. Kinh doanh là một nghề khó khăn và mạo hiểm vì độ rủi ro rất cao. Người nông dân bị mất mùa thì cũng chỉ mất mùa trong một năm, còn người kinh doanh nếu gặp khủng hoảng hay sai lầm trong tính toán thì có thể mất cả cơ nghiệp mà họ gom góp cả cuộc đời. Doanh nhân thành đạt thì có nhiều tiền, cuộc sống vật chất đầy đủ nhưng lo lắng thường xuyên do áp lực của công việc, vì thế nên có câu "ăn cơm với thịt gà (thì) lo ngay ngáy, ăn cơm với mắm cáy (thì) ngáy ó o".

Dưới thời phong kiến, những người làm kinh doanh không được xã hội tôn trọng, họ đứng sau cả người nông dân : "sĩ, nông, công, thương". Người làm kinh doanh luôn đồng nghĩa với bóc lột "ngồi mát ăn bát vàng", hay gian dối "thật thà cũng thể lái trâu". Thế nhưng người dân cũng nhận ra rằng "phi thương bất phú".

Thực ra kinh doanh là một ngành nghề quan trọng như bao ngành nghề khác, thậm chí nó càng quan trọng hơn trong kỷ nguyên của "toàn cầu hóa", bởi vì doanh nhân là cầu nối (không thể thiếu) giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Nếu không có tầng lớp kinh doanh thì hàng hóa làm ra không biết tiêu thụ thế nào và như vậy xã hội không thể phát triển được.

Chủ nghĩa tư bản và kinh tế hiện đại tôn vinh người làm kinh doanh. Ông Nguyễn Gia Kiểng, một nhà "tư tưởng chính trị" cũng đã đề cao giá trị thực sự của những người làm thương mại : *"Thương mại đòi hỏi và làm phát triển nhiều đức tính tốt. Người làm thương mại phải hiểu nhu cầu của xã hội và vì thế phải cố gắng tìm hiểu xã hội. Người làm thương mại sống bằng chữ tín nên phải thực thà, nếu không muốn bị tẩy chay và phá sản. Người làm thương mại cần khách hàng nên phải thực sự quý trọng người khác vì không có sự giả dối nào có thể kéo dài. Người làm thương mại phải tỏ ra dễ mến để tranh thủ khách hàng cho nên ngôn ngữ và thái độ phải trang nhã, cũng chính vì thương mại không phát triển mà con người trong các xã hội Khổng Giáo thường rất thô lỗ".* (Đi tìm một mô thức phát triển đất nước). Nếu chúng ta chia sẻ ý kiến này thì ngay từ bây giờ và trong tương lai tầng lớp doanh nhân Việt Nam phải có một tiếng nói, một chỗ đứng quan trọng trong đời sống chính trị văn hóa của đất nước. Họ phải đóng vai trò tiên phong trong mọi sự phát triển của đời sống và phải tham gia quản lý đất nước.

Vì vai trò đặc biệt quan trọng của tầng lớp doanh nhân Việt Nam, nhất là trong tình hình đất nước hiện nay mà tôi muốn đề cập đến họ trong bài viết đầu tiên trong năm Tân Mão. Trước hết, bản thân tôi cũng là một doanh nhân cho nên tôi hiểu rõ những khó khăn và nỗi trăn trăn chuyên mà giới doanh nhân đã trải qua, nhất là những doanh nhân đã từng sống và làm việc tại nước Nga. Hai cuộc khủng hoảng vào năm 1998 và 2008 đã khiến bao người đang từ "doanh nhân thành đạt" trở thành tay trắng. Cùng với đó là nạn tham nhũng và sự tùy tiện của luật pháp đã khiến bao người làm kinh doanh "lên voi xuống chó" chỉ sau một đêm.

Việt Nam và Nga có những điểm tương đồng về thể chế chính trị (cùng độc tài và công an trị) nên thân phận những người doanh nhân như "cá trên thớt, gà trong chuồng", chính quyền muốn "thịt" ai và thịt vào lúc nào là quyền của họ.



Bình thường người làm kinh doanh là những con bò sữa, làm tiền các doanh nghiệp tư nhân luôn là dễ nhất. Thế nhưng chỉ cần chút bất mãn hay kêu ca phàn nàn là lãnh đứ. Tỉ phú giàu nhất nước Nga Mikhail Khodorkovsky chỉ vì không "hài lòng" với chính sách của Putin mà mất cả cơ nghiệp và phải ngồi tù mất mùa, vừa sắp hết hạn tù lại bị "gia hạn"

thêm 6 năm nữa. Muốn tồn tại thì các doanh nhân phải liên kết và chia phần cho giới quan chức. Những lĩnh vực ngon ăn hay béo bở của nền kinh tế đất nước luôn bị giới doanh nhân "con ông cháu cha" chiếm đoạt và doanh nghiệp tư nhân phải mua lại các hợp đồng sau khi trả phần trăm hoa hồng thích đáng. Doanh nghiệp nhà nước tha hồ làm mưa làm gió và làm bậy, mọi chuyện đã có chính phủ lo. Vụ Vinashin vỡ nợ và được tái cơ cấu cho thấy sự ưu ái một cách thô thiển của chính phủ dành cho các doanh nghiệp nhà nước. Nếu các doanh nghiệp tư nhân nợ vài trăm triệu mà không trả được là tù một gông. Thậm chí bị "dựa cột chầu trời" như trường hợp Tăng Minh Phụng.



Các liên minh ma quỷ chi phối nền kinh tế Việt Nam trước sau gì rồi cũng đi đến đỉnh điểm của nó, nó sẽ làm Việt Nam sẽ vỡ nợ trên bình diện quốc gia. Ở Việt Nam tất cả các doanh nhân đều trốn thuế và ngay cả họ có muốn nộp đủ thuế cũng không ai nhận và vì thế mọi doanh nhân đều là con tin của chế độ. Bất cứ lúc nào muốn chính phủ Việt Nam cũng có thể bỏ tù bất cứ một doanh nhân nào. Và đây là bi kịch lớn nhất của giới doanh nhân Việt Nam. Đại hội Đảng lần thứ 11 đã kết thúc nhưng vẫn chưa ngã ngũ việc "quyền sở hữu" tài sản của tư nhân.

Khi Việt Nam chuyển hướng (đổi mới) từ nền kinh tế đóng cửa hoàn toàn (với thể giới bên ngoài) sang nền kinh tế thị trường (tuy vẫn còn định hướng xã hội chủ nghĩa) thì đây vẫn là một cơ hội "đổi đời" thật sự với một số người. Chỉ sau hai mươi năm "đổi mới" thì một bộ phận nhỏ trong xã hội Việt Nam mà trước đây (vốn) là vô sản (bao gồm thành phần con ông cháu cha và các doanh nhân biết liên kết với chính quyền) đã phát lên một cách nhanh chóng và kinh khủng. Nhiều kẻ trong số họ đã trở thành triệu phú, tỉ phú đôla. Có người kể với tôi rằng nhiều quan chức và doanh nhân Việt Nam không bao giờ uống loại rượu dưới giá 2000 đô la Mỹ một chai. Đây là điều cũng đã xảy ra ở Liên Xô cũ hay Trung Quốc, một số lớn tài sản của nhà nước đã được "phù phép" để biến thành của tư nhân. Quá trình "chuyển giao" này vẫn đang tiếp diễn, khi nào quá trình này kết thúc thì khi đó "thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa" sẽ chấm dứt.

Trước đây, người Việt Nam đến nước Nga với hai bàn tay trắng, hành trang vào đời chỉ có cái nghèo và sự liều lĩnh của tuổi trẻ. Khi chúng ta còn trẻ thì con người hay có tính "liều" và "phiêu lưu". Liên Xô, xã hội chủ nghĩa sụp đổ, một đất nước Nga thời hậu cộng sản với một chính quyền "non trẻ" đã mở ra cơ hội cho nhiều người Việt Nam. Nhiều người đã nhanh chóng đổi đời nhờ sự vô luật pháp lúc đó. Khi luật chơi càng tù mù, luật pháp càng lỏng lẻo thì cơ hội càng nhiều, vì trong môi trường đó dễ làm giàu nhanh, dễ phát nhanh, dễ thay đổi vận mệnh nghèo khổ nhanh và đương nhiên cái giá phải trả cũng không hề nhỏ.

Thế nhưng xuất phát từ quan điểm "của Liên Xô trả Liên Xô", nhiều người đã mạnh dạn kinh doanh khi chưa được phép và một số nhỏ người Việt đã trở thành giàu có. Khi trẻ và quá nghèo chúng ta bất chấp tất cả để làm giàu nhưng khi chúng ta không còn trẻ và nhất là chúng ta đã giàu có thì mối quan tâm bây giờ là làm sao để bảo vệ được số tài sản đã tích lũy được. Có thể lợi nhuận kiếm được ít hơn nhưng quan trọng nhất là thu nhập phải ổn định và nguy cơ "mất trắng" không xảy ra. Rõ ràng là để bảo vệ tài sản một cách tốt nhất là đất nước phải có dân chủ, phải có luật pháp ổn định, phải có sự đảm bảo về quyền sở hữu tư nhân... và vì thế, giới doanh nhân Việt Nam cần phải tham gia tích cực vào việc dân chủ hóa đất nước. Chỉ một đất nước có luật pháp rõ ràng và một thể chế chính trị dân chủ mới bảo vệ được tài sản của chúng ta. Không có gì là lạ khi giới doanh nhân Nga làm ăn ở Nga nhưng tài sản và gia đình họ đều nằm ở Anh.

Để không chảy máu chất xám và của cải Việt Nam ra nước ngoài thì tôi cho rằng chính quyền mới trong tương lai sẽ không truy cứu nguồn gốc tài sản của mọi công dân Việt Nam dưới thời cộng sản. Cho dù chúng ta hiểu rằng một phần trong số tài sản đó là tích lũy bất hợp pháp. Tuy nhiên để việc đó được chấp nhận rộng rãi trong dân chúng thì ngay từ bây giờ các doanh nhân giàu có cần có những hành động ủng hộ dân chủ, ủng hộ sự thay đổi thể chế chính trị thay vì tiếp tay cho chế độ

cộng sản tồn tại để bòn rút của cải cho bản thân. Chỉ có dưới một chế độ dân chủ thì chỗ đứng và danh dự của giới doanh nhân mới được thừa nhận và có một vị trí xứng đáng. Tôi cho rằng tầng lớp doanh nhân Việt Nam chân chính có hiểu biết, có kiến thức về xã hội dám dấn thân hay ủng hộ phong trào dân chủ là thành phần tinh hoa của đất nước và vì thế họ có quyền và nên tham gia vào việc quản lý đất nước.

Khi nghèo khổ mà bị coi thường đã là nhục nhã nhưng khi giàu có và thành đạt mà vẫn bị người khác coi thường thì sự nhục nhã đó càng lớn hơn. Khi nghèo đói chúng ta không quan tâm nhiều đến nhân quyền hay phẩm giá nhưng khi no đủ rồi thì quyền được nói, quyền được đòi hỏi những "nhu cầu về tinh thần" sẽ trở nên cấp bách và cần thiết. Một người Việt Nam giàu có và thành đạt trong một nước Việt Nam mà đa số dân chúng còn nghèo khổ thì đương nhiên vẫn bị bạn bè trên thế giới coi thường, khinh rẻ là chuyện bình thường. Điều này không khó để nhận biết nếu chúng ta thường xuyên đi ra nước ngoài qua các cửa khẩu quốc tế. Một người Nhật sống nhờ trợ cấp thất nghiệp khi đi qua các cửa khẩu quốc tế vẫn được tôn trọng hơn những triệu phú, tỉ phú đô la của Việt Nam. Rõ ràng là nước nổi thì bèo nổi. Trên các cuốn hộ chiếu (hiện nay) vẫn chưa có mục ghi số tiền của mỗi người có trong tài khoản ngân hàng.

Chúng ta không thể sống hạnh phúc khi xung quanh chúng ta còn quá nhiều người nghèo khổ. Khi môi trường bị ô nhiễm, an toàn thực phẩm hay an toàn toàn giao thông không được kiểm soát thì dù giàu có vẫn cứ chết như thường. Báo chí đưa tin ngày 6-2-2011, tức là ngày mừng 3 Tết Tân Mão, tàu khách Thống Nhất chạy từ Nam ra Bắc đến cầu Ghềnh tỉnh Đồng Nai đã đâm vào 6 chiếc ô tô liên hoàn khiến 28 người chết và bị thương. Báo chí cũng cho biết là trong dịp Tết đã có gần 300 người chết vì tai nạn giao thông, chắc chắn trong số này có nhiều người giàu có.

Chuyện các "đại gia" Việt Nam mới phát đua nhau khoe của như mua xe ô tô xin, máy bay, du thuyền, xây biệt thự dát vàng... không còn là chuyện hiếm. Nhưng dù giàu có đến đâu đi nữa thì cuộc sống xa hoa đó vẫn lạc lõng bên cạnh những cuộc đời đầy khốn khổ của đa số đồng bào và chần chẫn là tiếng khen thì ít mà tiếng chê thì nhiều.

Giàu có mà thiếu trí thức và lòng nhân ái thì sẽ trở thành những kẻ trọc phú. Giàu có cộng với sự hiểu biết về xã hội và biết chia sẻ với mọi người thì cái sự giàu có mới đạt đến đỉnh cao của nó, khi đó họ sẽ thuộc về giai cấp thượng lưu, quý tộc. Việt Nam ngày nay đáng buồn là "trọc phú" nhiều hơn "quý tộc". Hy vọng thời gian sẽ làm thay đổi và biến đổi tâm hồn những "trọc phú" thành "thượng lưu". Khi nghèo người ta bất chấp mọi thủ đoạn để làm giàu và khi giàu có rồi họ thì sẽ nhận ra một điều đơn giản, tiền không phải là tất cả.

Lý do rất chính đáng mà các doanh nhân luôn đưa ra để bào chữa cho mình khi họ tỏ ra thờ ơ với phong trào đấu tranh đòi dân chủ là "chúng tôi kinh doanh chứ không làm chính trị". Họ cố tình hoặc không biết rằng mọi chính sách dù lớn hay nhỏ đang tác động hàng ngày liên quan đến công việc của họ đều xuất phát từ các quyết định chính trị. Có người đã nói "trong các hiểu biết của con người thì hiểu biết về chính trị là hiểu biết lớn nhất", vì vậy những người làm chính trị và giới cầm quyền luôn là tinh hoa của dân tộc, của đất nước. Tất nhiên khi ai đó được gọi là "tinh hoa" thì người đó phải trải qua quá trình "chọn lựa" và thừa nhận của người dân. Đảng cộng sản không bao giờ là tinh hoa của đất nước vì họ chưa được người dân lựa chọn bao giờ.

Ngày xưa những nhà tư sản hay giàu có đóng góp cho cách mạng không phải vì tự giác mà vì sợ khủng bố. Ngày nay phong trào dân chủ không khủng bố hay đe dọa ai mà chỉ kêu gọi giới doanh nhân đóng góp công sức của mình cho quá trình dân chủ hóa đất nước. Sự lựa chọn khôn ngoan nhất là ủng hộ bí mật cho các tổ chức chính trị có uy tín, những người có thể làm thay đổi số phận của đất nước, đó là việc làm không khó với các doanh nhân nếu họ muốn. Các doanh nhân đều biết đến lời khuyên trong đầu tư đó là "trúng bỏ nhiều giỏ" để tránh sự rủi ro, và đầu tư cho dân chủ là một kênh đầu tư khôn ngoan. Đó là đầu tư cho tương lai của bản thân doanh nghiệp, cho con cái họ, cho bà con họ.



Chỉ có dân chủ mới mang lại hạnh phúc cho cả dân tộc trong đó có gia đình các doanh nhân, đó cũng là niềm hạnh phúc và tự hào lớn lao khi đất nước có tự do và quan trọng nhất là sự đóng góp đó sẽ là sự bảo đảm cho sự an toàn của chính bạn và khối tài sản mà bạn đang có. Trên tất cả, bạn sẽ được sống như những người văn minh với phẩm giá của con người. Tôi tin rằng một chính phủ dân chủ trong tương lai sẽ tôn vinh và phải tỏ lòng tri ân những doanh nhân đã có đóng góp tích cực cho phong trào dân chủ Việt Nam. Bởi vì họ xứng đáng được đối xử như vậy.



Niềm tin của tôi cũng như lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là mọi sự thay đổi chính trị tại Việt Nam nên diễn ra trong hòa bình, trong tinh thần "hòa giải dân tộc", nên tránh các cuộc "cách mạng đường phố" như tình hình đang diễn ra tại Tunisia hay Ai Cập. Nếu điều đó xảy ra tại Việt Nam thì sự đổ vỡ sẽ kinh khủng hơn rất nhiều so với các nước này, mọi người đều bị thiệt hại nặng kể cả các doanh nhân. Vì vậy chúng tôi kêu gọi thành phần trí thức tinh hoa của đất nước chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình chuyển đổi quan trọng này. Nếu trí thức Việt Nam không chủ động dấn thân cho đất nước thì người dân Việt Nam cùng khổ sẽ đứng lên làm cách mạng và hậu quả thật khó lường. Doanh nhân Việt Nam cũng là thành phần trí thức và tinh hoa của dân tộc vì vậy phải có trách nhiệm với đất nước. Tiếng nói của tầng lớp doanh nhân rất có trọng lượng đối với thế hệ trẻ tại Việt Nam hiện nay. Ngoài sự hiểu biết các doanh nhân Việt Nam còn có một đức tính mà nhiều trí thức không có được đó là lòng dũng cảm và sự quả quyết.

Tôi cho rằng không phải dân trí người Việt Nam kém mà ý thức của tầng lớp trí thức Việt Nam kém. Nếu không kém thì trí thức Việt Nam đã làm được việc "khai dân trí, chấn dân khí" cho mọi người Việt Nam. Trước tình hình đất nước như hiện nay thì trí thức phải xem việc dấn thân chính trị như là mệnh lệnh của lòng yêu nước và trí thức phải nhận lãnh trách nhiệm dẫn dắt người dân và lãnh đạo đất nước.

Các nước văn minh như Mỹ hay Châu Âu được tự do và hạnh phúc vì tầng lớp trí thức tinh hoa luôn lãnh đạo và dẫn dắt đất nước trong khi đó ở Việt Nam thì tầng lớp tinh hoa này bị tiêu diệt tận gốc: "trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, trốc tận rễ". Để rồi những kẻ thất học, ba đời ăn củ khoai, củ chuối lên nắm chính quyền nên Việt Nam mới không góc đầu dậy nổi. Tôi kính trọng và yêu thương tất cả mọi người, mọi tầng lớp nhân dân nhưng không thể nào đồng tình với việc để những kẻ ít học, kém hiểu biết, hung hãn và lu mờ lên nắm chính quyền, những kẻ này sẽ đày đọa tất cả chúng ta. Trí thức Việt Nam phải nhận lãnh trách nhiệm chèo lái con thuyền quốc gia, nếu họ từ chối hay nhường quyền này cho kẻ khác thì dân tộc Việt Nam sẽ tiêu vong.

Có một người nói rằng "cách làm từ thiện tốt nhất (và vĩ đại nhất) là làm chính trị", đây là một sự thật hiển nhiên. Bình thường khi làm từ thiện thì người làm từ thiện chỉ bỏ ra một số tiền hay công sức nhỏ nhỏ mà không ảnh hưởng gì đến tài sản hay công việc của mình, trong khi đó người làm chính trị chân chính sẵn sàng hy sinh cả cuộc đời họ, chấp nhận mất mát tự do, hạnh phúc và thậm chí cả tính mạng mình cho hạnh phúc của mọi người, mọi nhà.

Lịch sử luôn ghi nhận và đánh giá cao những danh nhân đã hy sinh cuộc đời mình cho dân tộc. Người làm chính trị có thể thành công, có thể thất bại nhưng tấm lòng yêu nước của họ luôn được người đời ghi nhớ.

Nhân dịp năm mới tất cả chúng ta hãy hướng về những nhà bất đồng chính kiến đang còn bị giam giữ trong chốn ngục tù, hãy dành cho họ và gia đình họ lòng kính trọng và sự yêu thương chia sẻ. Nên nhớ rằng việc họ làm không nhằm mang lại lợi lộc gì cho bản thân họ mà là mang lại mùa xuân cho mọi người Việt Nam, cho đất nước Việt Nam.

Trí thức Việt Nam, doanh nhân Việt Nam cần đoàn kết và sát cánh bên nhau trong cuộc cách mạng vĩ đại này, cuộc cách mạng mang lại dân chủ và tự do cho dân tộc Việt Nam.

Việt Hoàng
Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)

Mạn đàm

Hoan hô chế độ Apartheid !

Hoàng Diệt

Chắc quý vị không khỏi ngạc nhiên khi tôi nói "Hoan hô chế độ Apartheid". Tôi không điên và cũng chưa lắm cảm. Tôi thường hay đọc các sách về chính trị, về con đường đi tìm tự do của các dân tộc khác và từ đó liên hệ với đất nước mình. Với tất cả lòng nhiệt thành của mình tôi cố gắng giải bày trên một vài trang giấy hồng đóng góp một phần rất nhỏ bé của mình vào công cuộc đi tìm tự do của dân tộc ta.

Một thí dụ hùng hồn nhất, một mẫu mực nhất của sự hòa giải dân tộc trên trái đất này chính là trường hợp Nam Phi. Nam Phi cũng là một thí dụ hay nhất của lòng quả cảm, của cuộc đấu tranh bền bỉ nhất vì tự do và dân chủ. Tôi đọc rất nhiều sách báo của người Việt trong ngoài nước, nhưng có rất ít bài nói về Nam Phi. Thật là một thiếu sót, trong khi chúng ta đang cần có một bài học tương tự.

Tôi không định làm một luận án về Apartheid ở đây, nhưng để hiểu rõ về chủ nghĩa Apartheid, tôi cần phải nói qua về thành phần dân số của Nam Phi khi chủ nghĩa Apartheid được áp dụng ở Nam Phi từ năm 1948.

1. Người da trắng gốc châu Âu nhập cư từ 1652 chiếm khoảng 21% dân số ;
2. Người Ấn khoảng 3% ;
3. Người lai da màu khoảng 9% ;
4. Người da đen khoảng 67%.

Chủ nghĩa Apartheid xoay quanh việc phân biệt đối xử trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, địa lý theo thứ tự ưu tiên phân chia dân số nêu trên. Thực ra khi chủ nghĩa Apartheid được áp dụng triệt để thì các thành phần dân số 2, 3, 4 đều có chung một số phận. Apartheid là một từ mới thể hiện một ý nghĩa cũ có từ gần 3 thế kỷ ở Nam Phi. Nói tóm tắt là sự phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc. Từ đó có nghĩa đen là "riêng ra" (à part, séparation : tiếng Pháp). Cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Apartheid là người da trắng thuộc giống người cao cấp hơn người Ấn, người da màu, người da đen.

Chính Giáo Hội Tin Lành Cải Cách Hà Lan đã ủng hộ và cung cấp nền tảng tôn giáo cho chủ nghĩa Apartheid dựa trên thuyết Tiên định của Calvin, theo đó con người đã được Thượng Đế cho trước một định mệnh, một số kẻ xuất chúng sẽ được lãnh đạo thế giới, những kẻ còn lại phải phục tùng. Do vậy đa số người da trắng (vô tình hay hữu ý) đã tin rằng Thượng Đế đã giao cho họ định mệnh lãnh đạo đất nước Nam Phi. Thực chất chủ nghĩa Apartheid không có dính líu gì đến chủ nghĩa phát-xít hay nazi. Nhưng nó chính là cái đuôi của của nghĩa phát-xít sau chiến tranh thế giới thứ hai. Có nhiều câu hỏi mà sau khi đọc và nghiên cứu nhiều tài liệu tôi mới rút ra được câu trả lời. Chẳng hạn như câu hỏi : tại sao chủ nghĩa Apartheid kinh tởm như vậy, cả loài người phỉ nhổ mà nó lại có thể tồn tại lâu như thế ? Nó chỉ chết hẳn vào năm 1994. (Xem hồi sau sẽ rõ).

Trở lại với Nam Phi sau Đại chiến thế giới thứ II. Để tránh nhầm lẫn, khi tôi nói đến bầu cử ở đoạn này là nói đến bầu cử mà chỉ có người da trắng được tham gia. Năm 1948, trong cuộc bầu cử ở Nam Phi, có hai đảng chính đối lập nhau tranh cử :

1. Đảng Liên Hiệp (United Party, đảng đang nắm quyền) do tướng Smuts đứng đầu. Đảng này đã đứng về phe đồng minh chống phát xít trong đại chiến thế giới thứ II.

2. Đảng Quốc Gia (National Party), một thứ đảng phản động đã công khai đứng về phía phát-xít Đức. Đứng đầu đảng là Daniel Malan, một cựu lục sư của Giáo Hội Tin Lành Cải Cách Hà Lan. Chúng ta có thể tham khảo một số khẩu hiệu của đảng này khi tranh cử : "Swart Gevaar" (Hiểm họa đen),

"Die kaffer op sy plek" (Bọn đen về chỗ của chúng), "Die Koelies uit die land" (Tống cổ bọn Ấn đi).

Trở trêu thay, Đảng Quốc Gia lại thắng cử và từ đó trở đi, trong thế giới hiện đại, Nam Phi trở thành nổi tiếng với chủ nghĩa Apartheid, chìm đắm trong bạo loạn, hận thù, khủng bố, đàn áp, một cơn ác mộng của loài người. Sự phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc theo màu da đã có từ gần ba thế kỷ, nay được nhân lên gấp bội với những đạo luật, chính sách nhiều khi ra khỏi sức tưởng tượng của con người. Chủ nghĩa Apartheid là một thứ chủ nghĩa vô cùng tệ hại, bất công, phi lý. Người da trắng (thiểu số) có tất cả : quyền lực, tài sản...



trong khi đó người da màu không có gì hết, bị đàn áp, bị miệt thị ngay trên chính đất nước của họ.

Có lẽ tôi không cần phải nói đến mức độ tàn bạo hay tội ác của chủ nghĩa Apartheid đã từng được liệt vào tội ác chống nhân loại. Các bạn cũng có thể biết nhiều rồi. Tôi chỉ muốn nêu trong bài viết này một số "ưu việt" của Chế độ Apartheid mà các bạn có thể chưa biết. Đây chỉ là một số chi tiết mà tôi lượm lặt được trong cuốn *Con đường dài dẫn đến tự do* của Nelson Mandela. Các bạn có thể kiểm chứng. Tôi hoàn toàn không bịa đặt. Hơn nữa đây là cuốn sách mà ông viết để lên án chế độ Apartheid. Nói là "ưu việt" là để so sánh với cái chế độ ưu việt mà chúng ta đang được "hưởng", đỉnh cao của trí tuệ nhân loại.

Từ khi chủ nghĩa Apartheid được áp dụng triệt để ở Nam Phi (1948), tổ chức chống chủ nghĩa Apartheid mạnh mẽ nhất, lâu đời nhất và có hiệu quả nhất là ANC (African National Congress) được thành lập từ năm 1912. Năm 1950, Đảng Cộng Sản bị cấm, rất nhiều đảng viên cộng sản đã ra nhập ANC hoặc hoạt động trong ANC nhưng vẫn giữ tư cách là đảng viên cộng sản. Có rất nhiều người đã giữ những chức vụ cao cấp trong ANC. Năm 1960 đến lượt ANC và nhiều tổ chức chống chủ nghĩa Apartheid cũng bị cấm triệt để và bị đàn áp mạnh mẽ. Ấy vậy mà ANC vẫn phát triển và phát động được nhiều phong trào quần chúng, tổ chức được nhiều cuộc meeting, biểu tình với sự tham gia của hàng ngàn người.

Các thành viên của chủ nghĩa Apartheid trong đó có Nelson Mandela nhiều lần bị bắt bớ, nhưng lần nào cũng có tòa án để xét xử với tất cả các thủ tục tố tụng. Có những vụ án mà quá trình xét xử kéo dài hàng năm. Trong tác phẩm của mình, Nelson Mandela đã mô tả sự đồng cảm, cảm thông của một số thẩm phán khi bắt đầu xét xử ông khi ông bị bắt vào năm 1962. Các thẩm phán đó nhìn nhận ông như là một luật sư bị bắt vì chính kiến của mình, chứ không phải như một tội phạm. Ở trang 395 ông còn nói rõ là kiểm sát trưởng nói với ông : "Hôm nay, tôi không muốn đến tòa án nữa. Lần đầu tiên trong đời tôi khinh bỉ những gì tôi phải làm. Tôi thật khó xử khi phải yêu cầu tòa án bỏ tù ông". Trong các phiên xử, hàng ngàn cảm tình viên ANC vẫn được đến tham dự, thậm chí còn giương cao các biểu ngữ "Chúng tôi ủng hộ các vị lãnh đạo của chúng tôi". Các phạm nhân khi được đưa vào phòng xử án còn giơ tay và nói lời chào quần chúng theo kiểu riêng của tổ chức ANC. Với tội trạng theo cách nhìn của Chế độ Apartheid, thì Nelson Mandela và các đồng chí của ông đáng bị tử hình, nhưng cuối cùng họ chỉ bị xử tù chung thân. Đó cũng là một thành công của các luật sư bào chữa. Cũng xin lưu ý các bạn là Nelson Mandela là một trong những người thành lập và lãnh đạo tổ chức MK (Umkhonto we Sizwe-Spear of the Nation), một tổ chức ngoại vi của ANC chuyên dùng bạo lực để đấu tranh bằng các hình thức như phá hoại, gửi người ra nước ngoài tập huấn quân sự rồi trở về nước đấu tranh.



Nelson Mandela bị bắt khi sau khi đi tập huấn quân sự và đi xin viện trợ của nước ngoài về.

Chỉ vài tháng sau khi Nelson Mandela và các đồng chí của ông vào tù Robben Island (một dạng Côn Đảo ở Việt Nam), nhà chức trách Chế độ Apartheid đã cho phép các tù nhân được học hành (học qua thư tín) và bản thân Nelson Mandela còn học tiếp trên đại học. Ở ta có thể không ? Có đấy. Các bạn đừng có nói xấu chế độ ưu việt của chúng ta. Ở ta tù nhân chả được học là gì. Học gì biết không ? Học... học... Học tập. Học về chủ nghĩa Mác Lênin mà trong đa số các trường hợp thì các giảng viên đều có hiểu biết rất kém về chủ nghĩa Mác và về triết học. Mấy ông nông dân ít học lại giảng về triết học thì thật là triết lý. Tôi đã từng được học tập rồi. Hay lắm. Một thế giới đảo lộn.

Trở lại với Nam Phi. Các tù nhân cũng được đặt mua sách để học hành. Trong chính phủ Nam Phi lúc bấy giờ cũng có đối lập (xin nhắc lại là đối lập trong chính phủ của người da trắng). Đối lập có quyền đi xuống các nhà tù để thăm tù nhân và giúp đỡ các tù nhân, lấy kiến nghị của họ... Khi tù nhân bị đánh đập họ có quyền kiện và yêu cầu các thẩm phán đến để điều tra. Họ được gặp hội chữ thập đỏ quốc tế... Đây là tôi nói giai đoạn ông Nelson Mandela chưa nổi tiếng thế giới nhé.

Sau nhiều năm đấu tranh, cuối cùng các tù nhân cũng được bãi miễn lao động chân tay. Năm 1979, Nelson Mandela bị đau chân, chính quyền phải đưa ông vào đất liền để mổ. Tất nhiên là ông bị 5 người súng ống đẩy người áp tải. Mỗi lần gia đình ông có tin dữ, ông yêu cầu được gặp luật sư và là bạn thân của ông để có thêm thông tin về gia đình. Ở ta, mày đau giò, tao đập cho mày que nốt giò kia. Mày muốn gặp luật sư, tao đập cho mày tẹt mỏ, hết nói.

Báo chí cũng đóng góp một vai trò đáng kể. Tất nhiên là chính quyền cũng có nhiều biện pháp để bịt miệng báo chí, nhưng báo chí vẫn luồn lách được để ủng hộ ANC. Nhiều khi họ còn nói quá lên để gây chấn động dư luận. Thí dụ như khi Nelson Mandela phàn nàn là bị đau chân do giầy của nhà tù bé quá thì báo chí lại nói là ông bị cắt ngón chân... (Ở ta thì báo chí chỉ nói để được ăn theo, thậm chí còn toàn nói sai sự thật làm hại đến tù nhân chính trị). Năm 1985, Nelson Mandela còn trao cho vợ ông, lúc vào thăm ông, một bài diễn văn mà con gái ông đã long trọng đọc trong một cuộc meeting tại một sân vận động khổng lồ ngày 10-2-1985.

Năm 1987, tuy bị công kích rất mạnh mẽ trên trường quốc tế, nhưng Chế độ Apartheid vẫn còn rất khỏe, họ vẫn có cả một bộ máy đàn áp, quân đội, cảnh sát, tòa án, nhưng họ bắt đầu đàm phán với ANC, đàm phán một cách bí mật với một người tù nhân. Một điều không thể tượng nổi là một người tù chung thân, từng bị coi là một tù nhân nguy hiểm, một kẻ khủng bố lại được đi gặp tướng cai ngục, rồi bộ trưởng tư pháp, rồi đến tổng thống để đàm đạo và đàm phán. Tổng thống De Klerk còn làm một cuộc trưng cầu dân ý (chỉ có người da trắng tham gia) để hỏi ý dân da trắng xem có nên đàm phán với ANC không. Kết quả thật bất ngờ : 69% người da trắng đồng ý đàm phán với ANC.

Tôi nêu ra chuyện này ở đây để nói đến sự phát triển tư tưởng của người da trắng. Nó có những đột biến ngoạn mục. Cuộc đàm phán này kéo dài nhiều năm với rất nhiều thăng trầm mà tôi không muốn đi vào chi tiết ở đây chỉ biết rằng những kẻ cầm quyền Chế độ Apartheid và những người da trắng chấp nhận hy sinh toàn bộ đặc quyền của họ kéo dài gần ba thế kỷ để đưa Nam Phi đến dân chủ qua con đường tổng tuyển cử với nguyên tắc một người = một phiếu bất kể màu da, một cuộc bầu cử dân chủ mà họ biết thừa là họ sẽ thua vì họ chỉ chiếm có 21% dân số.

Ngày 2-2-1990, tổng thống De Klerk đã đọc một bài diễn văn để tháo gỡ chủ nghĩa Apartheid và bỏ điều luật cấm ANC. Chính De Klerk đã phóng thích Nelson Mandela, để Nelson Mandela trở thành đối thủ "nguy hiểm" nhất của mình trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới. Thật không thể tưởng tượng nổi là ngày 27-4-1994, trong chiến dịch tranh cử,



Nelson Mandela vừa ra tù sau gần 30 năm lại lên vô tuyến truyền hình để đấu khẩu với tổng thống đương nhiệm De Klerk. Tôi xin được lược dịch một đoạn trong tác phẩm của Nelson Mandela :

"Những trao đổi mà chúng ta nói với nhau hôm nay thể hiện một việc trọng đại. Chúng ta là một thí dụ điển hình cho thế giới về việc hai nhóm chủng tộc khác nhau nhưng đều có cùng một lòng trung thành và cùng một tình yêu với đất nước của họ. Mặc dù tôi đã đưa ra nhiều lời chỉ trích tổng thống De Klerk, cuối cùng tôi cũng nói với ông ta : "Thưa Ngài, Ngài là một trong những người mà tôi tin cậy. Chúng ta sẽ cùng nhau gánh vác non sông. Tôi rất tự hào được nắm tay Ngài để chúng ta cùng nhau tiến lên. Sau đó Nelson Mandela đã đi thực hiện quyền công dân của mình lần đầu tiên trong đời khi đã hơn 70 tuổi và lại bầu cho chính mình. Hàng triệu người đã xếp hàng đi bỏ phiếu với tâm trạng lần đầu tiên được làm người (Bao giờ tôi mới được làm người đây ?)".

Kết quả bầu cử không có gì ngạc nhiên ANC được 62,6% phiếu bầu. Nelson Mandela lên làm tổng thống, phó tổng thống thứ nhất là Thabo Mbeki, phó tổng thống thứ hai là De Klerk.

Chủ nghĩa Apartheid đã bị đánh đổ một phần cũng nhờ có những người cộng sản và chủ nghĩa Apartheid kéo dài một cách lê thê và thê thảm cũng tại chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta không thể phủ nhận vai trò của những người cộng sản Nam Phi và của các nước cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Apartheid. ANC đã được các nước cộng sản giúp đỡ về tinh thần cũng như vật chất. Trong ANC có rất nhiều đảng viên cộng sản và nhiều người nắm những chức vụ quan trọng. ANC. Ngay Nelson Mandela cũng không bao giờ che giấu sự thân thiện sát cánh của ANC với cộng sản. Khi chủ nghĩa cộng sản mới xuất hiện, nó có biểu hiện của sự tiến bộ (trên lý thuyết), nhưng thực tế của các nước cộng sản lại cho thấy chủ nghĩa cộng sản là mối đe dọa cho tự do và dân chủ. Vì vậy nhân dân của các nước lúc đó đang nằm dưới ách cộng sản (chính xác là xã hội chủ nghĩa) thì tìm cách đấu tranh để thoát ra, còn các nước khác thì tìm cách để ngăn chặn sự lan tràn của chủ nghĩa cộng sản.

ANC trong một thời gian dài bị coi như một tổ chức cộng sản mà người da trắng Nam Phi rất sợ cộng sản. Ban đầu, họ không muốn đàm phán với ANC cũng vì lý do đó. Và khi bắt đầu đàm phán, một trong những điều kiện tiên quyết của họ là ANC phải ly khai với cộng sản. Nelson Mandela không bao giờ chấp nhận điều kiện này. Ông chấp nhận bỏ đàm phán, quay trở lại nhà tù chứ không bỏ những đồng chí của mình. Ông là một con người nhân nghĩa. Ông cũng thích và bị ảnh hưởng nhiều bởi chủ nghĩa cộng sản. Ông đã học và giảng bài về chủ nghĩa cộng sản cho các bạn tù. Nhưng cũng rất may là ông không bao giờ là người cộng sản vì nếu vậy thì cuộc đời và sự nghiệp của ông như thế là đi đút. Khi Chế độ Apartheid hiểu rõ hơn về ANC, khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ và không còn là mối đe dọa cho thế giới nữa thì "tự nhiên" quá trình đàm phán và hậu thuẫn quốc tế tang tóc dữ dội, chủ nghĩa Apartheid cáo chung.



Ngày 10-5-1994, Nelson Mandela tổ chức lễ nhậm chức có hầu hết tất cả các hàng lãnh đạo cao cấp của thế giới đến tham dự. Trong buổi lễ trang trọng này các hàng tướng tá quân đội, công an đến chào tổng thống Nelson Mandela và thể trung thành với tổng thống. Trong tác phẩm của mình, Nelson Mandela có nói là lúc đó ông chưa quên là chính những hàng lãnh đạo này đã hành hạ bỏ tù ông gần hết cả cuộc đời. Nhưng không vì vậy mà ông trả thù họ, ông đã thành lập một chính phủ hòa giải.

Ở ta có thể không ? Đời nào, ông thì ông đào mả tổ chúng mày lên và cho chúng mày đi cải tạo ráo. Đấy đất nước con người người ta thế đấy. Người ta đánh nhau hành hạ nhau gần ba thế kỷ mà chỉ đánh rụp người ta đã hòa giải được với nhau trong màu quốc kỳ chung phối hợp các màu của ANC (đen, xanh, vàng) và màu cờ của nền cộng hòa cũ (đỏ, vàng, trắng, xanh da trời), trong bài quốc ca mới

phối hợp bài "Nkosi Sikelel' iAfrika" của ANC và bài "Die Stem Van Suid Afrika" của người da trắng.

Viết đến đây mình lại rồn tóc gáy. Sao cái dân chủ Apartheid này nó giống cái dân chủ cộng sản thế nhỉ, giống quá cơ. Đó là một thứ dân chủ của một thiểu số với nhau. Chúng nó bầu bán nội bộ với nhau (mà chắc chắn là giữa chúng với nhau cũng chẳng có bầu bán gì đâu, quyết trước hết cả rồi), dân chỉ được đứng xem vô tưởng cũ mấy chục năm và lại còn buộc phải vỗ tay. Ít ra dân đen Nam Phi không bị buộc phải vỗ tay. Xem ra cái dân chủ cộng sản còn tồi tệ hơn nhiều.

Người da trắng ở Nam Phi còn chiếm 21% dân số. Cộng sản ở Việt Nam chiếm bao nhiêu phần trăm dân số ? Để chống lại cái này cộng sản hay có cái trò bị bọm là đảng là từ nhân dân mà ra. Xin thưa mấy thằng ăn cướp, giết người cũng là từ nhân dân mà ra. Nếu bạn đọc kỹ những gì tôi viết rồi rọi vào thực tế ở Việt Nam hiện nay thì thấy cộng sản còn gian ác và tồi tệ hơn Chế độ Apartheid nhiều. Không phải ngẫu nhiên tôi nói hoan hô chủ nghĩa Apartheid. Cộng sản còn nói rằng giai cấp công nhân với đảng tiên phong (cộng sản) là lực lượng lãnh đạo cách mạng cho đến thắng lợi cuối cùng. Tức là cho đến khi có chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Bao giờ mới có chủ nghĩa cộng sản đây để cho hết vai trò lãnh đạo của cộng sản ? Nói một cách nghiêm túc cái này chẳng khác gì cái thuyết Tiên Định của Calvin, cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Apartheid.

Người Việt Nam nói chung hay có tư tưởng miệt thị, kinh tặc người da đen, coi họ là mọi. Viết đến đây tự nhiên tôi muốn hét lên : Ai là mọi đây ? Chính chúng ta là một lũ mọi, thậm chí không bằng mọi. Thôi từ nay đừng nói "con rồng cháu tiên nữa" nghe ngượng chết đi được.

Cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ cho Việt nam hiện nay không nên hiểu là cuộc chiến Quốc < Cộng. Tất cả người Việt Nam phải hiểu rằng đây là một cuộc chiến chống lại một hệ thống điều hành xã hội mà trong đó tất cả mọi người, kể cả đảng viên cộng sản cũng có thể trở thành nạn nhân.

Tôi xin nêu một thí dụ rất có tính thời sự. Hiện nay ở trong nước tình trạng chính quyền hoặc tư nhân cộng tác với chính quyền đi cướp đất của dân diễn ra triền miên. Có rất nhiều hình thức ăn cướp mà đơn giản nhất là đuổi dân đi với giá đền bù mạt hạng.

Tôi biết một gia đình nông dân kia có con cháu làm cán bộ đảng viên tương đối cao cấp ở huyện và cả tỉnh nữa nhưng cũng không thể nào cứu được gia đình mình khi tự nhiên mảnh đất của nhà mình trở nên có giá quá và rơi vào con mắt của bọn lưu manh có quyền thế cao hơn. Khi mà chính quyền từ trên xuống đã thông đồng với nhau thì người dân biết trông vào ai ? Thậm chí chúng còn cho bọn lưu manh xã hội đen quấy phá... giống hệt như chuyện cụ Hoàng Minh Chính bị lưu manh đánh và quấy phá vứt cả cứt vào nhà.

Nhân chuyện này tôi lại muốn nói một chuyện rất đơn giản là phải biết là mình không có tự do, nước mình không có dân chủ thì mới đi đấu tranh cho dân chủ tự do. Gia đình nông dân kia, trước khi bị mất đất không ý thức được điều đó. Đảng viên trên huyện, tỉnh, gia đình cách mạng... là cái đình. Xã hội bây giờ theo kiểu này chỉ có tiền. Khi những kẻ cướp ngày (quan) đã muốn thì trong cơ chế này không có gì có thể kìm hãm được nó.

Tôi thấy là trong vài chục năm cuối thế kỷ 20 của nhân loại, những người áp dụng các chủ nghĩa tồi tệ trên thế giới này đều có ít nhiều có những biến chuyển tiến bộ, nhiều khi rất ngoạn mục. Chỉ có những người cộng sản của một vài nước trong đó có Việt Nam là không có biết chuyển. Chả nhẽ cứ để cái tình trạng như vậy cho muôn đời con cháu mai sau ?

So sánh những biến chuyển của "Chế độ A Pác Thai" (theo cách đọc của người Việt Nam) và của chủ nghĩa Cộng Sản trong vài thập kỷ vừa qua, ta có thể kết luận :

Hoan hô chế độ A Pác Thai !

Đả đảo Cộng sản quái thai !

Ngày 1 tháng Giêng, năm Tân Mão
Hoàng Việt (Hà Nội)

Vụ án Yi Đức Hồi

Một chọn lựa tự sát

Bản án tám năm tù đối với Vi Đức Hồi khiến dư luận phải ngạc nhiên vì sự thô bạo của nó. Ngạc nhiên không phải vì tòa đã xử quá nặng, các tòa án Việt Nam không xử mà chỉ đọc những bản án đã được quyết định sẵn. Mọi chế độ độc tài đều lạm dụng luật pháp nhưng đặc tính của chủ nghĩa Mác-Lênin, mà Đảng Cộng Sản Việt Nam



Vi Đức Hồi

lấy làm tinh thần nền tảng, là nó coi pháp luật chỉ là dụng cụ đàn áp ngay trong lý thuyết của nó. Điều đáng ngạc nhiên là chọn lựa chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam sau đại hội XI.

Vi Đức Hồi không hề làm điều gì có thể bị coi là vi phạm luật pháp. Bản cáo trạng đối với anh chỉ đề cập đến những bài báo anh đã viết, chủ yếu là những bài viết cách đây đã lâu mà chính quyền đã biết và đã từng chất vấn anh, nghĩa là những chuyện đã qua rồi. Và lại tòa án cũng không tranh luận về những gì anh đã viết. Vụ án này, sau những bản án chính trị tàn nhẫn gần đây, nói lên một quyết định mới của chế độ : đàn áp dân chủ triệt để và trắng trợn, bất chấp dư luận trong và ngoài nước.

Không thể có một logic nào cho chính sách này, người ta chỉ có thể tìm hiểu động cơ của đảng cộng sản. Sau gần ba mươi năm được thực hiện, chính sách mở cửa kinh tế đã khiến xã hội Việt Nam thay đổi nhiều. Người dân, nhất là trí thức và sinh viên, đã được thông tin đầy đủ hơn về những gì xảy ra tại Việt Nam và trên thế giới, đặc biệt là về sự tham nhũng và bất tài của các quan chức. Cuộc sống vật chất được cải thiện cũng khiến những nhu cầu tinh thần, như có tự do và được kính trọng, trở thành bức thiết, song song với khả năng ngày càng lớn để biến những đòi hỏi thành sự thực. Một cuộc giằng co đã diễn ra giữa một bên là xã hội Việt Nam vùng vẫy để tự cởi trói và bên kia là đảng cộng sản cố gắng xiết lại để duy trì chính sách toàn trị. So sánh lực lượng đã liên tục thay đổi thuận lợi cho xã hội dân sự Việt Nam và ngày nay điểm đoạn tuyệt đã đạt tới. Việt Nam đã chín muồi cho một cuộc chuyển hóa về dân chủ, buộc Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chọn lựa hoặc thích nghi với tình huống mới, nghĩa là nhượng bộ, hoặc đàn áp triệt để với hy vọng đảo ngược tình thế. Họ đã chọn giải pháp đàn áp.

Chọn lựa này đặt nhân dân Việt Nam, trước hết là những người dân chủ Việt Nam, trước những thử thách cam go mới nhưng nó cũng là chọn lựa tự sát cho đảng cộng sản. Họ không thể đàn áp hết những người đòi dân chủ vì đó là tuyệt đại đa số của 90 triệu người Việt Nam. Những người dân chủ đang bị giam giữ cũng không khác gì mọi người Việt Nam, kể cả đại đa số đảng viên cộng sản và chính những con người đáng thương bị sử dụng làm công cụ đàn áp, những công an, thẩm phán, công tố viên v.v. Và nếu đảng cộng sản hy vọng có thể dựa vào Trung Quốc để tồn tại họ càng chứng tỏ sự thiếu cận, chính Trung Quốc cũng sắp chao đảo lộn.

Trong những ngày Tết này tình cảm nản nhất của chúng ta dành cho những người dân chủ đang mắc nạn. Chúng ta chúc đất nước đi thêm một bước quyết định tới tự do và dân chủ. Chúng ta chúc nhau nghị lực và niềm tin để vượt qua thử thách trước mắt.

Cuộc vận động dân chủ nhất định thắng. Một đặc tính của các chế độ bạo ngược là cho đến lúc sụp đổ chúng vẫn làm như rất vững mạnh và chúng còn hung bạo hơn trong giai đoạn cuối cùng. Nhưng càng hung bạo chúng càng tự cô lập và sụp đổ nhanh hơn.

Ban biên tập

Báo Tổ Quốc

số 104, ngày 01-02-2011

Tản mạn

Đầu năm đọc truyện Tàu

Nguyễn Minh

Mỗi năm cứ đến dịp Xuân, gia đình nào cũng cố gắng làm một cái gì đó để ghi nhớ ngày đầu năm. Người thì nhờ ông đồ viết đôi câu liễn để về treo, người thì dâng hoa quả cúng ông bà, người thì ngắm hoa uống rượu... Riêng tôi thì khác, tôi muốn chia sẻ với quý độc giả Thông Luận truyện Tàu. Có lẽ không ai trong chúng ta không từng nghe đến bốn đại danh tác (tứ đại kỳ thư) của văn học cổ điển Trung Hoa : Tam quốc chí, Tây du ký, Hồng lâu mộng, Thủy hử truyện...

- *Tam quốc diễn nghĩa* là một sử liệu được Trần Thọ biên soạn vào thế kỷ thứ 3, nói về những tranh chấp quyền lực giữa các cấp lãnh đạo ba nước Ngụy, Thục và Ngô bên Trung Quốc.

- *Tây du ký*, tác giả giấu tên (có người cho là của Ngô Thừa Ân), được viết vào những năm 1590, kể về chuyến đi của Trần Huyền Trang (Đường Tam Tạng) sang Ấn Độ thỉnh kinh về Trung Quốc.

- *Hồng lâu mộng* (tên gốc là Thạch đầu ký), được Tào Tuyết Cần sáng tác vào giữa thế kỷ 18 thời nhà Thanh, kể về những hoan lạc của các cấp quan quyền.

- *Thủy hử truyện*, có nghĩa là truyện bờ nước, được Thi Nại Am (hay Lã Quán Trung) viết về thành tích của 108 anh hùng Lương Sơn Bạc, bị triều đình nhà Tống gọi là quân cướp. Nội dung cốt truyện dựa theo Đại Tống Tuyên Hòa di sự ghi lại.

Vào dịp Xuân Tân Mão này, truyện Tàu ở đây là những chuyện có thật và đang xảy ra ngay trên đất Tàu. Nội dung những truyện này giống như những gì đã xảy ra tại Tunisia khi dân chúng nổi lên đòi cơm áo và công ăn việc làm khiến lãnh tụ Ben Ali phải bỏ chạy. Người dân Trung Quốc và Việt Nam cũng cần soi bóng truyện xưa để nhìn lại mình.

Quả thật ngược lại với các con số hào nhoáng về các chỉ tiêu đạt được về tăng trưởng kinh tế, số ô tô bán được, tiến bộ khoa học kỹ thuật... được phô trương trong dịp đầu năm 2011, năm kỷ niệm 90 năm thành lập đảng cộng sản, hiện tình xã hội Trung Quốc ngày nay có nhiều sự kiện giống như đã viết trong tứ đại kỳ thư.

Trước hết nói về Tam quốc. Trung Quốc trên danh nghĩa là một quốc gia thống nhất, có một lãnh thổ rộng lớn, có một chính quyền trung ương và một quân đội mạnh. Thực tế đã không đúng như vậy, Trung Quốc ngày nay có tới ba trung tâm quyền lực cạnh tranh lẫn nhau và không nơi nào chịu nhường nơi nào : Bắc Kinh, Thượng Hải và Quảng Đông. Bắc Kinh có sức mạnh về chính trị và luật pháp, Thượng Hải có sức mạnh về tài chính và công nghiệp, Quảng Đông có sức mạnh về nông nghiệp và quân sự. Mọi quyết định nếu muốn được thông qua đều phải có sự đồng thuận của ba trung tâm quyền lực này, qua những vị vua địa phương. Những ai dám làm ngược lại hay muốn tạo thế lực riêng đều bị trừng trị, điển hình là Trần Hí Đăng (cựu bí thư Bắc Kinh), Trần Lương Vũ (cựu bí thư Thượng Hải), Chu Dương (cựu bí thư Quảng Đông), Bạch Lai Hy (bí thư Trùng Khánh), tất cả đều bị cách chức và lãnh án tù, mất hết quyền lực và quyền lợi.

Để tranh thủ hậu thuẫn, lãnh đạo ba trung tâm quyền lực này đã bằng mọi cách thu phục nhân tâm trong các tỉnh nằm sâu trong nội địa. Bắc Kinh tranh thủ các tỉnh Hắc Long Giang, Cát Lâm, Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Tây và các tỉnh lưu vực sông Hoàng Hà phía Bắc ; Thượng Hải thu phục các tỉnh dọc sông Dương Tử từ Tân Cương, Cam Túc, Thanh Hải, Tứ Xuyên, Trùng Khánh, Thiểm Tây, Hồ Bắc, An Huy, Hà Nam, Chiết Giang, Giang Tô và Sơn Đông. Quảng Đông lôi kéo các tỉnh phía Nam dọc sông Trường Giang về phía mình : Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông, Hải Nam, Giang Tây, Phúc Kiến.

Kế đến là Tây du ký. Theo một thống kê của AFP năm 2008, Trung Quốc đã có tới 415 000 triệu phú USD, chiếm 20% trên tổng số 10,1

triệu phú USD trên toàn thế giới, con số này đến nay không còn đúng nữa. Chắc chắn phải trên 500 000 triệu phú USD, theo ước tính mỗi người phải có ít nhất trong tay 4 triệu USD. Làm gì để cất giữ hay tiêu xài khoản tiền khổng lồ này : đi du lịch hay di cư sang các nước Âu Mỹ, Nhật, Singapore, Úc. Nói tóm lại, những người có tiền đều tìm cách di tản sang các nước dân chủ phát triển phương Tây tiêu xài hay lánh nạn. Có thể nói đây là cuộc di dân lớn thứ ba sau cuộc chạy nạn Thái Bình Thiên Quốc sang California tìm vàng cuối thế kỷ 19 và cuộc chạy nạn cộng sản năm 1949. Những nhà triệu phú này ăn chơi và tiêu xài không thua gì những tay mafia Nga và giới giàu có Nhật Bản và Mỹ. Nhiều người còn xây dựng lâu đài theo đúng những kiểu mẫu cổ kính tại Châu Âu ngay trong mảnh đất của mình.

Tiếp theo là Hồng lâu mộng. Nói về chuyện ăn chơi thì không ai bằng những đại gia Trung Quốc. Những màn ăn chơi, trụy lạc dưới các thời vua chúa trước không thấm vào đâu với cảnh hoan lạc của những ông trùm tư bản đỏ Trung Quốc. Nạn trai thừa gái thiếu chỉ xảy ra tại nông thôn và dành cho người nghèo khó, không ông lớn đại gia nào không có bồ nhí, mỗi ông phải có ít nhất từ hai đến cả chục cô bồ nhỏ, trẻ đẹp như tiên. Trong các buổi dạ tiệc, những ông lớn dành nhau uống rượu rí ra từ động thiên thai trên thân thể các thiếu nữ là chuyện thường tình. Cuộc sống đồi trụy của các quan lớn rất là chướng tai, gai mắt buộc chính quyền trung ương và địa phương phải xử một vài người làm gương như thị trưởng Thẩm Quyến (Hứa Tôn Quân), chủ nhiệm Hội nghị hiệp thương tỉnh Quảng Đông (Trần Chiêu Cơ). Những Hồng lâu mộng dành cho các quan lớn đúng là cõi thiên thai, ngay từ lúc vào cho đến lúc ra.

Quần chúng cùng khổ tại Trung Quốc sinh sống ra sao ? Họ chỉ có thể bàn về những anh hùng trong truyện Thủy hử. Sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, hàng chục triệu người mất việc đã nổi lên tại khắp nơi chống đối chính quyền và đòi công lý. Hàng chục ngàn người đã bị bắt và bị kết những án tù nặng nề. Bất mãn và tức giận sẽ dẫn đến nội loạn. Trung bình mỗi năm có trên 80 000 vụ xuống đường biểu tình, đình công đòi cơm áo và công lý. Trong những cuộc chống đối này, rất nhiều người đã bất chấp hiểm nguy đứng mũi chịu sào hô hào dân chúng đòi quyền sống. Bất cứ một vụ đàn áp hay bắt người trái phép nào cũng có thể xảy ra nội loạn. Chẳng hạn như ngày 15-11-2010, gần 20 000 người đã xuống đường biểu tình tại thành phố Đặng Châu (tỉnh Hồ Nam) chống lại việc tái đăng ký các loại xe hai bánh vì các cấp chính quyền địa phương muốn lấy thêm tiền của dân : kết quả 7 xe của cảnh sát bị đốt và trên một trăm người bị thương. Ngày 5-12-2010, hàng ngàn người đến vây đồn cảnh sát tố cáo cảnh sát đã đánh đập dã man một bà mẹ và đứa con gái tại thành phố Trường Xuân (tỉnh Khiết Tân)

Bất mãn của dân chúng đã đạt đến mức giới hạn, bất cứ một thái độ hiếp đáp của những người đại diện công quyền đều có thể đưa tới bạo loạn. Xã hội Trung Quốc như nổi thuốc súng chỉ chờ một que diêm để châm ngòi nổ. Chính vì thế mà giới nhà giàu và tinh hoa của Trung Quốc đang có khuynh hướng di tản sang các quốc gia dân chủ phương Tây lánh nạn bằng cách cho con đi du học hay du lịch rồi tìm cách ở lại. Trong khi đó, giới có tiền trong nước không biết làm gì ngoài việc phô trương sự giàu có bằng nhà cao cửa rộng, xe hơi bóng láng và tìm quên bên các tiên nữ giáng trần trong các Hồng lâu mộng, bất chấp xã hội và đời sống dân chúng Trung Quốc như thế nào. Tương lai của Trung Quốc không xán lạn bởi những truyện Tàu này.

Nguyễn Minh (Tokyo)

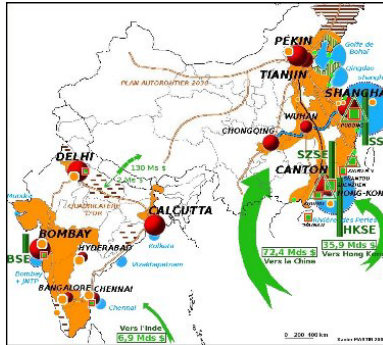
Những vấn đề trong phát triển với tốc độ cao

Trần Kha

Giữa lúc nhiều nước trên thế giới phải giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế vì còn bị chi phối nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới năm 2008, hai nước đông dân nhất thế giới Ấn Độ và Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng trưởng đều đặn với tốc độ cao.

Theo thống kê mới nhất trong năm 2010, tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Trung Quốc đã vượt qua Nhật. Giới quan sát quốc tế tin rằng tăng trưởng kinh tế của hai nước Ấn Độ và Trung Quốc sẽ còn duy trì ở mức độ cao trong một vài thập niên nữa. Công ty dịch vụ tài chính Goldman Sachs tiên đoán rằng vào năm 2050, GDP của Ấn Độ và Trung Quốc sẽ bằng 0,8 lần hoặc cao gấp 1,3 lần GDP của Mỹ, 4,2 lần và 6,7 lần GDP của Nhật.

Thấy gì qua những con số này? Để tiếp tục phát triển với tốc độ cao, của Ấn Độ lẫn Trung Quốc đang đối phó với rất nhiều khó khăn và phải làm những cái tổ đầu đốn mà các quốc gia phát triển phương Tây và Nhật Bản trước đó vài chục năm đã từng làm.



Phải làm gì để duy trì tăng trưởng với tốc độ cao?

Nhắc lại, sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc có dấu hiệu tăng trưởng cao độ sau những cải cách từ tháng 12-1978: mời gọi tư bản quốc tế vào Trung Quốc đầu tư. Tốc độ tăng trưởng của Ấn Độ cũng chỉ thực sự bắt đầu thấy được sau những cải cách sâu rộng về kinh tế từ sau 1991. Trước khi cải cách, cả hai nước đều gặp những khó khăn như nhau: lạm phát, thất nghiệp gia tăng, đồng tiền bị phá giá nhiều lần... Các yếu tố sản xuất như lao động và tư bản đều bị quản lý chặt chẽ: nền kinh tế của hai nước như đứng trên bờ vực thẳm, chỉ cần lấy một quyết định sai là cả một khối ba tỷ người sẽ rơi vào lầm than và bạo loạn. Nhờ có những cấp lãnh đạo sáng suốt, xứng đáng với tầm vóc những quốc gia lớn và đông dân nhất thế giới, cả Ấn Độ lẫn Trung Quốc đã tháo gỡ những ràng buộc về hành chính và kêu gọi tư bản nước ngoài ào ạt vào hai nước này đầu tư. Bắc Kinh cho thành lập nhiều đặc khu kinh tế dọc bờ biển Nam Hoa để trở thành xưởng sản xuất hàng hóa lớn nhất thế giới để thu về ngoại tệ. New Delhi dành cho tư bản nước ngoài mọi dễ dãi để vào Ấn Độ lập hãng xưởng xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là linh kiện tin học, dược phẩm và điện ảnh.

Trong những năm đầu của thiên niên kỷ thứ ba này, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của hai quốc gia này không hề suy giảm. Những đặc khu kinh tế dọc bờ biển Nam Hoa và Tây Ấn đã trở thành những trung tâm sản xuất hàng hóa tinh vi và cao cấp với giá rẻ. Chính sách mở cửa kêu gọi đầu tư nước ngoài đã như một viên đạn bắn trúng cùng một lúc hai mục tiêu: thu về một khối ngoại tệ khổng lồ và hấp thụ những kỹ thuật sản xuất tiên tiến nhất thế giới. Lượng ngoại tệ thặng dư đã được sử dụng một cách khôn ngoan: tái đầu tư để thu thêm nhiều ngoại tệ hơn nữa để tái đầu tư thu thêm ngoại tệ... Cái vòng lẩn quẩn này không ngờ đã không những đưa hai quốc gia đông dân này ra khỏi nghèo khổ mà còn được cả thế giới kính trọng.

Đối với hai quốc gia khổng lồ này, dân số đông không còn là yếu tố tiêu cực kềm hãm phát triển mà ngược lại đã là động lực thúc đẩy phát triển ở mức độ cao. Cũng nên biết tại hai quốc gia đông dân nhất thế giới này, số người ở lứa tuổi lao động (từ 15 đến

64 tuổi), chiếm hơn 60% dân số, cao hơn hẳn khối dân số nhỏ tuổi từ 0 đến 14 tuổi (25%) và trên 65 tuổi (15%) còn lại. Nhờ khối nhân lực non trẻ và có tay nghề cao và rẻ tiền này, hàng hóa của Trung Quốc và Ấn Độ đã chiếm lĩnh mọi thị trường tiêu thụ lớn trên thế giới, đặc biệt là tại các quốc gia Âu Mỹ.

Nhờ số ngoại tệ thu về, hai quốc gia này khống chế những quốc gia giàu tài nguyên nhưng nghèo khó và chi phối toàn bộ thị trường nguyên nhiên vật liệu trên thế giới. Cũng nhờ khối ngoại tệ khổng lồ thu về, các ban lãnh đạo công ty xí nghiệp Trung Quốc và Ấn Độ đã tái cấu trúc hệ thống sản xuất để thích nghi với thị hiếu của thị trường, nhờ đó nắm vững những kỹ thuật tiên tiến nhất để sản xuất những loại vũ khí hiện đại để tự trang bị hay đe dọa những quốc gia nhỏ yếu hơn.

Tuy nhiên giữ vững tăng trưởng cao là một vấn đề thuộc về văn hóa chứ không phải kỹ thuật hay ý chí. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia phát triển phương Tây và Nhật Bản tuy có

thấp hơn Ấn Độ và Trung Quốc nhưng đó là những chỉ số bền vững. Đằng sau những chỉ số này là cả một hệ thống chính trị để cao tự do cá nhân và khuyến khích ý kiến và sáng kiến, nhờ đó mới có tiến bộ và tăng trưởng đều đặn. Khi lâm nguy, nhờ ý kiến và sáng kiến các quốc gia dân chủ phương Tây vượt qua dễ dàng và còn tiến xa hơn, trong khi các quốc gia độc tài trở nên độc tài hơn và bị tụt hậu.

Dân số đông lúc đầu có thể là một yếu tố thúc đẩy tăng trưởng nhưng với thời gian trở thành một gánh nặng vì xã hội phải nuôi dưỡng số người già mất khả năng lao động ngày càng đông hơn. Thêm vào đó, đến một lúc nào đó các thị trường tiêu thụ quốc tế đạt đến mức bão hòa, không thể tiêu thụ thêm nữa buộc các xí nghiệp sản xuất phải sa thải nhân công, số người tìm việc ngày càng đông và có thể sẽ dẫn tới bạo loạn như đang xảy ra tại các quốc gia Bắc Phi và Trung Cận Đông.

Các vấn đề cần phải khắc phục

Muốn giữ vững tăng trưởng cao, cả Ấn Độ và Trung Quốc phải hội nhập mạnh mẽ hơn vào sinh hoạt kinh tế thị trường, nghĩa là phải mở cửa rộng rãi hơn thị trường nội địa; cải tổ lại hệ thống luật pháp để thích nghi với trào lưu tiến hóa của thế giới, nghĩa là phải tôn trọng công lý và nhân phẩm con người; cải thiện môi trường, bảo đảm được nguồn năng lượng và thu hút nhân tài, nghĩa là phải đầu tư xây dựng lại hạ tầng cơ sở trong nước.

Trong thực tế, tuy bề ngoài cả hai đều hô hào các khẩu hiệu cải cách, mở cửa nhưng bên trong vẫn bảo vệ một cách cứng nhắc một số ngành sản xuất trụ cột như xe hơi bằng cách đánh thuế cao lượng xe hơi nhập khẩu, nhất là các loại xe trên 1000 phân khối, hạn chế đầu tư nước ngoài không cho nắm giữ quá 49% nguồn vốn. Đối với các ngành kỹ thuật cao cấp và nhạy cảm, nếu không muốn nói là bí mật quốc gia, như xe hơi chạy bằng điện, pin mặt trời, dược phẩm... chính quyền hai nước đã lập một rào cản pháp lý vững chắc. Sai lầm của chính sách phân dậu kinh tế này là ngăn chặn tự do trao đổi ý kiến và sáng kiến, hạn chế lựa chọn của người tiêu thụ. Điều này về lâu về dài chỉ có hại cho

đất nước vì thị trường nội địa không có cơ hội để cải cách thích nghi với các luật cung cầu mới và sự sơ cứng về khả năng sản xuất. Phản ứng tự nhiên của những người trong cuộc là cử gián điệp kinh tế đi khắp nơi ăn cắp hay cốp nhặt những phát minh kỹ thuật mới để bắt chước. Như vậy, phần lớn năng lực sản xuất của quốc gia chỉ chạy theo những gì đã copy hay ăn cắp được.

Một chướng ngại lớn đối với những nhà đầu tư nước ngoài là sự không minh bạch về luật pháp nội địa như luật lao động... Doanh nhân quốc tế chỉ cần lãnh đạo hai quốc gia Châu Á này tôn trọng những bộ luật mà họ ban hành, nghĩa là dễ dãi với người trong nước và cứng rắn với người nước ngoài. Điều này cho thấy sự cần thiết của một cơ chế pháp lý có thể tin cậy được cùng với một định chế cung cấp thông tin khách quan và nhanh chóng.

Về năng lượng, vì chưa xây dựng kịp thời những nhà máy sản xuất năng lượng sạch, than đá là nguồn sản xuất năng lượng chính của cả Trung Quốc lẫn Ấn Độ. Lượng xe hơi sản xuất trong nước cũng góp phần làm ô nhiễm không khí và nguồn nước và gây tác hại cho sức khỏe con người. Thêm vào đó, tốc độ đô thị hóa tại những tỉnh thành lớn ven sông và ven biển gây mất cân đối trong việc phân bổ nguồn nhân lực trong nước. Phong trào rời bỏ thôn quê ra thành thị lập nghiệp không thể đảo ngược và đang là một vấn nạn của lãnh đạo hai nước. Làm sao nuôi ăn và bảo đảm việc làm cho hàng trăm triệu người từ nông thôn ra thành thị? Để giải quyết nạn nhân mãn, Bắc Kinh thi hành chính sách xuất khẩu người ra nước ngoài bằng mọi cách, hợp pháp và bất hợp pháp. Để tìm năng lượng, Bắc Kinh sẵn sàng sử dụng bạo lực để chiếm hữu những vùng có tiềm năng cung cấp dầu khí trên Biển Đông và Trung Á; sẵn sàng chi tiền để xây dựng những trục giao thông cung cấp năng lượng từ Đông Nam Á vào sâu trong nội địa. Chính sách ngoại giao năng lượng của Ấn Độ và Trung Quốc Tuy đang rất năng động tại Trung Đông, Châu Phi và Trung Á.

Để chinh phục thế giới, cả Ấn Độ và Trung Quốc đang đào tạo một thế hệ trẻ với những kiến thức tiên tiến và sử dụng giỏi tiếng Anh, đủ khả năng cạnh tranh với những thế hệ trẻ tại các quốc gia phương Tây và Nhật Bản. Không ai biết những thành phần trẻ này, sau khi tốt nghiệp và được tung ra nước ngoài có chịu về nước phục vụ hay không? Có một điều chắc chắn là kiến thức của những nhân tài này rất cao, nếu được phục vụ trong những môi trường lành mạnh họ sẽ là những nhân tố tích cực, góp phần làm phồn vinh xã hội. Ngược lại, nếu bị những thế lực mờ ám dụ dỗ vào làm những việc đồi bại như ngăn chặn thông tin, phá hoại hệ thống vi tính của người khác, họ là những đối thủ đáng ngại. Muốn giữ nguồn chất xám này ở lại trong nước, phải dân chủ hóa và tự do hóa xã hội, đây là một thách thức lớn mà Trung Quốc chưa dám làm, trong khi Ấn Độ đã hoàn tất và đang tiến vào quỹ đạo phát triển với một tốc độ liên tục địa.

Ngoài ra còn những vấn nạn bình thường của những quốc gia vừa ra khỏi nghèo khó là cạnh tranh lại hệ thống hạ tầng cơ sở. Đây là điểm yếu chính của cả Ấn Độ lẫn Trung Quốc vì những công trường chính nằm ở các địa phương, trong khi kiến thức và trình độ của các cấp lãnh đạo địa phương chưa ngang hàng với tham vọng của trung ương. Ở Ấn Độ, các chính đảng cầm quyền địa phương thường thủ cựu nên không chấp nhận đổi mới, những cải tổ cơ bản rất khó thực hiện. Trung Quốc còn trầm trọng hơn, hồ cách biệt giàu nghèo giữa địa phương và trung ương, giữa nông thôn và thành thị rất khó hàn gắn. Ước muốn có cuộc sống ngang bằng người thành thị đang là ám ảnh chính của hàng trăm triệu nông dân, nếu không thỏa mãn được bạo loạn có thể sẽ diễn ra.

Điều này cho thấy nhu cầu tái phân phối thu nhập quốc gia quan trọng đến dường nào.

Vai trò của các nước Châu Á khác

Trước sự lớn mạnh của hai đại cường Châu Á, vừa đông dân vừa lớn rộng, các quốc gia Châu Á còn lại phải biết kết hợp cùng nhau để tồn tại. Nhật Bản và Nam Hàn đã quá giàu mạnh nên có thể tự bảo vệ và đứng vững được. Các quốc gia ASEAN và Nam Á phải kết hợp với những quốc gia phát triển hơn để tạo một thế lực phát triển chung. Điển hình là tham gia vào những kết hợp khu vực trao đổi tự do như EAFTA (East Asia Free Trade Agreement) CEPEA (Comprehensive Economic Partnership in East Asia), TPP (TransPacific Partnership) với Nhật, v.v. Theo những thỏa thuận đã được ký kết, từ đây đến năm 2015, tất cả các quốc gia Nam Á và Đông Nam Á đều mở cửa thị trường nội địa để tự do trao đổi. Nếu không kết hợp lại với nhau, các quốc gia như Việt Nam, Indonesia hay Thái Lan sẽ khó chống đỡ trước sự lấn át về hàng hóa vừa rẻ tiền vừa tinh vi hơn của Trung Quốc và Ấn Độ.

Thêm vào đó, nếu không có sức mạnh chung về tài chính, các quốc gia Châu Á nhỏ bé hơn sẽ chịu nhiều thiệt thòi khi vay mượn hay thanh khoản những món nợ quốc gia, vì sẽ trả những lãi suất cao hơn hay đồng bạc quốc gia bị mất giá trước các đồng tiền mạnh. Ngược lại nếu có cùng một đơn vị tiền tệ mạnh như đồng EUR (euro), các quốc gia ASEAN sẽ có một chỗ đứng đáng kể hơn trong những thương lượng với các cường quốc kinh tế và chính trị.

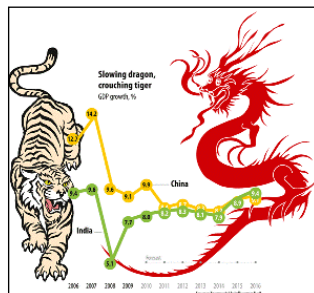
Ngày nay, các quốc gia ASEAN đã có một chỗ đứng quan trọng trong các hội nghị thượng đỉnh G20, APEC, ASEM, ngang hàng với Nhật Bản, Nam Hàn, Trung Quốc và Ấn Độ. Hoa Kỳ và Châu Âu đang nhìn ASEAN là một đối tác kinh tế, chính trị và quân sự đầy tiềm năng và triển vọng. Mọi thảo luận phát triển khu vực không thể thiếu vắng tiếng nói của ASEAN.

Sự huy hoàng của bất cứ triều đại nào cũng có ngày phải tàn lụi để nhường chỗ cho những thế lực khác đang lên. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ sẽ còn kéo dài thêm vài thập niên nữa, nhưng chỉ số sẽ giảm dần với thời gian để cuối cùng trở thành bình thường như các quốc gia phát triển khác, nghĩa là từ 2 đến 5%/năm. Trong khi đó, Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản đang cùng các nước Châu Á khác cùng cố quan hệ hợp tác kinh tế để thay thế hai xưởng sản xuất hàng hóa Ấn Độ và Trung Quốc.

Bài toán của Trung Quốc và Ấn Độ là làm sao vừa duy trì tăng trưởng cao vừa giữ vững xã hội. Tại hai quốc gia đông dân và rộng lớn này, cái gì cũng đồ sộ và khó giải quyết, nhất là bảo vệ môi trường và ổn định xã hội. Cái giá phải trả để duy trì tốc độ tăng trưởng cao tại Trung Quốc và Ấn Độ là môi trường bị hủy hoại, sức khỏe con người bị đe dọa, hồ cách biệt giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị, giữa địa phương và trung ương khó hàn gắn. Thêm vào đó là nạn thất nghiệp, các công ty, xí nghiệp xuất khẩu hàng hóa sử dụng sức lao động của con người như những hàng hóa vô tri vô giác, bất chấp nhân phẩm và sức khỏe con người. Nếu không cạnh tranh lại hệ thống sản xuất hay làm những cải tổ quan trọng để duy trì ổn định xã hội, những kết quả của tăng trưởng cao sẽ không đủ để bù đắp những thiệt hại do chúng mang lại.

Vấn đề của các quốc gia Châu Á còn lại là chuẩn bị thay thế con cạp Ấn Độ và con rồng Trung Quốc khi về già. Đây sẽ là một cố gắng vĩ đại, đòi hỏi nhiều quyết tâm và sáng suốt chỉ những cấp lãnh đạo thật sự có tài năng mới đảm nhận nổi.

Trần Kha (Machida)

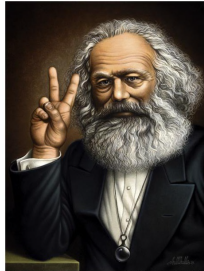


Tham luận

Kinh tế thị trường có đạo đức không ?

Nguyễn Gia Thường

Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định tiến lên chủ nghĩa xã hội. Họ vẫn u mê tin rằng đảng cộng sản sẽ dẫn đưa dân tộc Việt Nam vào thiên đường cộng sản và tin rằng đây là một chân lý bất biến. Thật sự ban lãnh đạo đảng cộng sản tin tưởng mãnh liệt vào chân lý này, nếu không họ đã không hân hoan ăn mừng thắng lợi của Đại Hội XI vừa qua. Họ không thấy con đường họ đang đi càng lúc càng đưa họ vào bế tắc, đưa cả nước vào tụt hậu.



Đảng cộng sản Việt Nam đã sai lầm ngay từ căn bản về những phạm trù của xã hội. Karl Marx, cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản muốn áp đặt phạm trù đạo đức lên phạm trù kinh tế. Và từ việc áp đặt này, những đệ tử ngu muội của ông đã sáng tạo ra một cụm từ quái thai mang tên "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Hình ảnh của ông Tây râu xồm Karl Marx vẫn ngự trị trong những dịp hội lớn của đảng cộng sản Việt Nam.

Phân biệt phạm trù

Sinh hoạt của loài người luôn nằm trong giới hạn của bốn phạm trù. Những phạm trù này chi phối tất cả sinh hoạt con người.

- Phạm trù thứ nhất : Khoa học - Kỹ thuật

Khoa học kỹ thuật ngày nay cho phép con người thực hiện nhiều kỳ công. Ví dụ như chiết tạo (clone) tế bào, chiết tạo sinh vật và thay đổi di truyền tính v.v. Đây là giới hạn cho việc tạo nên con người dòng vô tính ? Khoa học kỹ thuật không thể trả lời và mãi mãi không trả lời được câu hỏi này. Sinh vật học chỉ cho chúng ta biết cách thực hiện nhưng không chỉ bảo cho chúng ta có nên làm hay không.

Trong lãnh vực kinh tế cũng vậy. Đây là giới hạn của kinh tế thị trường, của tư bản chủ nghĩa ? Đã có một kinh tế gia trong một buổi họp hội đồng quản trị nói rằng : "Từ lâu lắm rồi giá cacao (nguyên liệu để chế biến chocolate) được duy trì quá thấp so với mức độ mà lòng tử tế có thể chấp nhận được". Câu này nghe rất hữu lý. Tuy nhiên lòng tử tế không phải là một ý niệm kinh tế.

Giới hạn của tỉ số chứng khoán của mặt hàng cà phê hoặc cacao là bao nhiêu ? Kinh tế không có câu trả lời cho câu hỏi này vì kinh tế không thể nào ấn định trước trị giá tối thiểu của những món hàng này. Biên giới nội tại giữa những gì thực hiện được và những gì không thực hiện được luôn luôn thay đổi. Những việc cách đây 10 năm không làm được, nay kỹ thuật đã cho phép con người làm được. Nhưng tiến bộ kỹ thuật không đủ bảo đảm hạnh phúc con người. Chúng ta có thể liên tưởng đến những quả bom nguyên tử nổ ở Nagasaki và Hiroshima.

Mỗi khi trên thị trường chứng khoán cacao mất hai mươi xu (20 cents) một tấn, ở Luân Đôn hoặc Nữ Uốc, có khoảng một chục ngàn người buộc phải sống dưới mức nghèo khó tại các nước sản xuất. Vì lòng thương người, chúng ta có thể khó chịu về những việc buôn bán đầu cơ này. Nhưng chúng ta không thể nào làm thay đổi con số này với lòng thương người được.

- Phạm trù thứ hai : pháp lý - chính trị

Vì phạm trù kinh tế - kỹ thuật - khoa học không thể tự nó giới hạn, nên con người cần đến phạm trù pháp lý - chính trị để vạch rõ những gì luật pháp cho phép và không cho phép. Tuy nhiên phạm trù pháp lý cũng không thể nào ấn định hết những giới hạn. Vì



dụ, không có luật nào cấm chúng ta nói dối trong phạm vi giao tiếp. Không có điều khoản luật pháp nào cấm chúng ta ích kỷ, cấm chúng ta khinh khi, cấm chúng ta hận thù, cấm chúng ta hung dữ. Một người đểu cáng có thể là một người tuân thủ luật pháp một cách triệt để.

Người ta thường nói trong một nền dân chủ, nhân dân có mọi quyền vì nhân dân là chủ tuyệt đối. Nhân dân có quyền đàn áp các dân tộc thiểu số, chẳng hạn ra luật đàn áp người Hồi. Như vậy nhân dân có quyền giết người hợp pháp, có quyền mở trại cải tạo để bỏ tù những thành phần bất mãn hoặc tuyên chiến với những nước láng giềng. Nhân dân có quyền làm đủ mọi thứ chẳng ? Một thể chế dân chủ tự bản chất không có giới hạn vì vậy dân chủ chưa hẳn đã đem lại thái hòa cho xã hội. Vì dân chủ không có khả năng tự kiểm chế nên con người đã ấn định một phạm trù thứ ba. Đó là phạm trù luân lý.

- Phạm trù thứ ba : luân lý

Có những điều mà pháp lý không thể can thiệp được. Đó là những luật lệ thiên nhiên. Đảng cộng sản Việt Nam không thể nào ban hành một quyết định pháp lý buộc mặt trời phải xoay quanh trái đất năm lần trong ngày. Con người không thể bỏ phiếu chọn lựa những gì thật và giả, những gì về thuộc lãnh vực thiện và ác. Người ta không thể ra lệnh cho sự thật, bất sự thật phải tuân thủ luật pháp. Lương tâm chỉ nghe lệnh của cá nhân và chỉ áp dụng cho cá nhân. Vì vậy cá nhân có nhiều bổn phận hơn là một công dân.

Ước vọng tự do không lệ thuộc vào thể chế dân chủ. Đa số áp đảo chuyên chế không thể nào ngăn cản được khát vọng tự do. Do đó, phạm trù thứ ba xuất hiện : phạm trù luân lý.

Theo triết gia Kant, luân lý là tổng hợp những bổn phận của chúng ta, tổng hợp những ép buộc hoặc cấm kị mà chúng ta tự đặt để cho chính mình, nhưng lại độc lập với mọi khen thưởng hoặc chế tài. Luân lý là toàn bộ những quy luật mà nhân loại tự áp đặt để chống trả lại tính chất dã man, tàn ác của chính con người.

Chúng ta cần phân biệt ở đây con người luân lý và con người giảng dạy luân lý. Con người luân lý là con người biết thi hành bổn phận của mình. Còn người giảng dạy luân lý là người chỉ vẽ bổn phận của người khác, một người chỉ biết chăm giữ bổn phận của bản thân mà không đếm xỉa gì tới người khác. Người này thiếu tinh thần liên đới với đồng loại. Tinh thần liên đới này phát xuất từ tình thương (compassion). Vì vậy chúng ta có thêm một phạm trù thứ tư : phạm trù đạo đức hoặc là phạm trù của tình thương.

- Phạm trù thứ tư : đạo đức

Không có một giá trị nào cao cả hơn là tình thương. Tình thương vô giới hạn không đe dọa một ai. Vì tình thương là giá trị tối thượng. Con người luôn yêu sự thật, con người luôn yêu tự do, con người yêu nhân loại hoặc yêu tha nhân. Tình thương xen lẫn vào tất cả ba phạm trù trên nhưng không hủy hoại phạm trù nào. Chúng ta cần tất cả bốn phạm trù này, nhưng không phạm trù nào tự bản thân có đủ điều kiện để thỏa mãn cho tham vọng con người.

Tư bản chủ nghĩa có đạo đức không ?

Luân lý tự bản chất không thể ấn định giá cả của thị trường. Chính luật cung cầu của kinh tế cho phép con người ấn định giá cả của một món hàng. Đức hạnh của con người tự nó cũng không tạo nên giá trị của

một món hàng, ngược lại chính công sức con người đã tạo ra giá trị và món hàng đó. Không phải bốn phần chi phối kinh tế mà chính luật thị trường chi phối kinh tế. Tư bản chủ nghĩa cũng không ra khỏi ngoại lệ đó. Ép buộc tư bản chủ nghĩa phải có luân lý là một việc không thể làm được, vì tư bản chủ nghĩa không có luân lý, nhưng nó không vô luân vì nó phi luân lý.

Người ta thường lẫn lộn hai cụm từ "luân lý" và "đạo đức" và cho rằng hai cụm từ này có cùng một nghĩa. Thật ra hai cụm từ này chỉ định hai thực thể khác nhau. Giản dị hơn, hãy mượn định nghĩa của ông André Comte-Sponville để giải thích : luân lý là tất cả những gì chúng ta phải tuân thủ vì bốn phần ; đạo đức là tất cả những gì chúng ta làm vì tình thương.

Sai lầm của Karl Marx

Karl Marx cho rằng kinh tế tư bản là phi luân lý do đó phải luân lý hóa kinh tế. Ông muốn phạm trù khoa học kỹ thuật phải tuân thủ phạm trù luân lý. Ông lập luận xoay quanh những ý niệm tha hóa và bóc lột. Hai ý niệm này nằm lưng chừng ở giữa khoa học kỹ thuật và luân lý. Marx muốn chấm dứt sự bất công không phải bằng cách đơn thuần áp dụng chính sách tái phân phối, vì ông biết rõ những giới hạn của nó. Ông không trông cậy vào lương tâm luân lý của những cá nhân. Ông đã sáng chế ra một hệ thống kinh tế mới, trong đó tất cả mọi người đều bình đẳng với nhau trong sinh hoạt kinh tế. Trên phương diện luân lý, Karl Marx không sai. Nhưng về mặt kinh tế, sự bình đẳng này có thể thực hiện được không đó là chuyện khác.

Marx cho rằng con người chỉ hành động vì lợi ích riêng tư : "Những cá nhân chỉ theo đuổi những lợi ích riêng tư, và lợi ích riêng tư này không đi đôi với lợi ích chung". Ở ngay điểm này người ta thấy ngay sự hoang tưởng của chủ nghĩa cộng sản do Marx đề ra. Để chủ nghĩa cộng sản có thể thành công, con người phải không được ích kỷ và đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi riêng tư. Nếu thực hiện được điều này chủ nghĩa cộng sản có nhiều cơ may thành công, bằng không nó sẽ dẫn đến thất bại. Trong thực tế, sau vài chục năm áp dụng, tất cả các chế độ cộng sản đều đã thất bại, vì con người luôn luôn ích kỷ và chỉ đặt quyền lợi riêng tư của mình lên trên lợi ích chung.

Như thế, chủ nghĩa cộng sản không thể nào ôn hòa vì không thuyết phục được ai, do đó phải chuyên chính. Sinh hoạt kinh tế trong các nước cộng sản buộc phải chuyên chế để ép buộc con người đi vào khuôn phép vì luân lý không có khả năng làm việc này. Từ đó chủ thuyết cộng sản hoang tưởng của Marx của thế kỷ thứ 19 chuyển sang hệ thống chuyên chính kinh hoàng mà loài người đã chứng kiến trong thế kỷ thứ 20.

Vì không muốn vứt bỏ giấc mơ đẹp nhưng hão huyền này, người cộng sản muốn biến cải con người và họ không từ bất cứ một phương tiện nào để chứng tỏ đường lối của họ là đúng : tuyên truyền, nhồi sọ, trại cải tạo, bệnh viện tâm thần... Cho đến nay chưa thấy chế độ cộng sản nào thành công, tất cả các chế độ cộng sản đều đã thất bại. Sự lạm dụng danh xưng xã hội chủ nghĩa hay chủ nghĩa xã hội chỉ để mà mất thiên hạ, vì các chế độ cộng sản Trung Quốc và Việt Nam chỉ là những chế độ chà đạp nhân phẩm con người và bóc lột đến tận xương tủy của những thành phần cùng khổ nhất trong xã hội.

Sai lầm nguy hiểm của Marx là muốn lấy luân lý và đạo đức áp đặt lên trên kinh tế. Marx muốn chấm dứt tình trạng người bóc lột người, chấm dứt sự tha hóa, xóa bỏ nghèo đói, san bằng giai cấp xã hội, và ngay cả dẹp bỏ chính phủ để có thể thỏa mãn nhu cầu cho mọi cá nhân không phân biệt khả năng hoặc nghề nghiệp.

Nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa cộng sản là làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu, nghĩa là làm thế nào để tài sản ưu tiên đến tay người lao động chứ không đến tay những kẻ đã sở hữu, đến tay những người thiếu thốn mọi sự chứ không đến tay những kẻ đã giàu có để thực hiện công lý và bình đẳng cho mọi người. Quá lý tưởng để những người có đầu óc sáng suốt một chút có thể tin tưởng vào nó. Trong thực tế những đệ tử của nó đã làm ngược lại tất cả.



Khoa học và kỹ thuật không có luân lý. Kinh tế cũng vậy, vì kinh tế vừa là một khoa học vừa là một kỹ thuật. Nếu theo dõi tin khí tượng ở trên đài truyền hình và người đọc tin khí tượng bỗng dưng nói : "Thưa quý vị, ngày mai thời tiết sẽ tốt trở lại, vì trời đã mưa suốt sáu tuần lễ vừa rồi. Nếu ngày mai trời tiếp tục mưa nữa thì thật quả là ông trời không có luân lý !". Các bạn chắc chắn cho rằng anh này đã đứt dây thần kinh rồi, bởi vì các bạn biết rằng trong bộ môn khí tượng học không có luân lý.

Mọi người ai cũng muốn có tăng trưởng kinh tế, nhưng điều này không đủ sức ngăn cấm sự suy thoái. Ai cũng muốn có thịnh vượng, nhưng điều này cũng không ngăn chặn được sự đói kém. Kinh tế nó có những quy luật vận hành riêng của nó. Đem luân lý và đạo đức vào kinh tế để giải quyết suy thoái và lạm phát là một điều không tưởng.

Hậu quả của việc đạo đức hóa kinh tế

Để có thể "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu", những người lãnh đạo phải có đạo đức cao. Chính vì điều kiện bắt buộc phải có này để có thể áp đặt chủ nghĩa cộng sản trên toàn xã hội, các lãnh tụ cộng sản luôn đề cao "đạo đức cách mạng", nghĩa là cần kiệm liêm chính, chí công, vô tư. Những cán bộ trung kiên phải hội đủ những đức tính này mới có thể lãnh đạo đất nước và thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Họ lập đi lập lại khẩu hiệu đến độ những chữ này đã mất hẳn ý nghĩa nguyên thủy của chúng để rồi đạo đức trở thành phi đạo đức.

Đã có rất nhiều lãnh tụ cộng sản ngồi xổm lên đạo đức và vỗ ngực xưng to : "Đạo đức là ta". Cần kiệm liêm chính đã trở thành những lạm tham ô. Họ thi nhau làm tiền trên mồ hôi nước mắt của người dân. Bản chất con người vốn vị kỷ nên chủ nghĩa cộng sản mong muốn con người vứt bỏ lòng vị kỷ này đi. Đảng viên cộng sản đã từng đấu tranh cho lòng vị tha nay bỗng nhiên khi có quyền lực trong tay thấy được sự thú vị của lòng vị kỷ, nên họ phải sống hai mặt đôi lòng, miệng hô chí công vô tư, nhưng tay lại bòn rút công lao của nhân dân để trở thành những tay nhất kỹ nhì công. Thuế má, đất đai của nhân dân là của chung nên cán bộ đảng viên tha hồ rút tĩa từ kho dự trữ khổng lồ này. Thứ nhút lẩy cho ta, sau cùng mới tới dân. Ông chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nguyễn Văn An đã thấy rõ điều này và đã phải lên tiếng kêu gọi "sửa lỗi hệ thống".

Chính vì vậy tại các nước theo chủ nghĩa để tiến lên thể chế cộng sản, sự phân biệt giai cấp mỗi lúc một rõ rệt hơn. Giai cấp cai trị trở nên giàu có hơn giai cấp bị trị. Vì phải theo định luật của kinh tế nên các đảng viên cộng sản đã trở nên phi đạo đức. Họ phi đạo đức nên họ trở nên toàn trị. Vì chỉ còn có một mình bản thân đảng viên cộng sản là giá trị cao nhất nên họ tự nhận họ là đỉnh cao trí tuệ.

Những tượng đài của những đỉnh cao trí tuệ này đang thi nhau rơi rớt trên khắp năm Châu. Không lẽ chỉ có một mình ông Nguyễn Văn An nhận chân ra sự thật phũ phàng này ? Nước Việt Nam cần có nhiều vị như ông Nguyễn Văn An để đưa đất nước ra khỏi bế tắc. Mong lắm thay !

Nguyễn Gia Thường (Brussels)



Một mình một chiếu



Hắn dặn phải theo dõi thật kỹ tình hình Ai Cập để brief cho hắn biết khi đến thăm hắn. Hắn đang nằm nhà thương để chữa bệnh mắt vì thế không thể coi Tivi và đọc sách báo được. Hắn là một người đấu tranh kiên trì. Từ hàng chục năm nay hắn miệt mài tranh đấu và không hề nản chí dù những cố gắng không đem lại kết quả nào và cũng không ai hiểu hắn tranh đấu kiểu gì, kể cả vợ con hắn.

Hắn là một học giả, có bằng tiến sĩ và dành rất nhiều thời giờ để đọc và viết. Hắn cũng rất chịu khó tham gia các cuộc hội thảo chính trị và những tuyên ngôn dân chủ. Trong những giai đoạn sôi động, hắn thường rủ tôi tham gia các ủy ban tranh đấu mà hắn là một trong những người chủ xướng. Các ủy ban này chìm dần vào quên lãng sau khi tình hình lắng xuống. Tôi phải hỏi hắn nhiều lần mới hiểu được cái kịch bản thành công của hắn.

Theo hắn thì chế độ cộng sản chắc chắn sẽ bị đào thải vì nó đi ngược đà tiến hóa của thế giới. Nó sẽ sụp đổ vì áp lực quốc tế và sự bất mãn của dân chúng, nhường chỗ cho một khoảng trống chính trị hoàn toàn, không có một đảng phái nào cả mà chỉ có những nhân sĩ có tiếng tăm như hắn, và lúc đó người ta sẽ phải mời hắn giữ một vai trò quan trọng. Hắn không giải thích "người ta" là ai, cũng như bằng cách nào các áp lực quốc tế và quần chúng có thể làm sụp đổ chính quyền cộng sản, và như thế thì những người trí thức sẽ giữ những vai trò quan trọng sau này như hắn có công lao gì? Tôi dần dần hiểu hắn kiên trì chọn kịch bản này không phải vì nó có nhiều triển vọng xảy ra mà vì nó là kịch bản duy nhất dành cho hắn một vai trò quan trọng. Điều quan trọng là hắn phải có vai trò quan trọng.

Tôi bỏ ra mấy ngày để xem tivi và đọc báo về Ai Cập để báo cáo cho hắn. Theo hắn tình hình Ai Cập có thể báo hiệu một giai đoạn sôi động tại Việt Nam. Hắn đang có ý định soạn thảo một tuyên ngôn và đề nghị một cuộc họp để thành lập "Ủy Ban Ai Cập cho Việt Nam".

Tôi báo cáo :

- Ai Cập là nước có lịch sử lâu dài, người Ai Cập tự hào là có lịch sử vẻ vang mặc dù đó chỉ là một lịch sử nô lệ, trong đó họ bị các vua chúa đối xử không khác súc vật, bắt xây đền đài cung điện và phục dịch đến kiệt sức trong hàng ngàn năm. Hậu quả của cái lịch sử đó là người Ai Cập mất hết ý chí và cam chịu tất cả như một định mệnh.

- Ai Cập có trên 80 triệu dân theo thống kê dân số mới nhất. Kinh tế Ai Cập tăng trưởng khả quan theo những số liệu chính thức, khoảng 7% mỗi năm từ ngày thực hiện chính sách mở cửa về kinh tế, cuối thập niên 1980. Hai hoạt động kinh tế lớn của Ai Cập là nông nghiệp và du lịch. Công nghiệp Ai Cập chủ yếu là gia công quần áo, giấy dếp và những ngành kỹ thuật thấp.

- Một nguồn thu nhập quan trọng của Ai Cập là cộng đồng người Ai Cập hải ngoại, khoảng ba triệu người. Khối người này hàng năm chuyển về trong nước gần 10 tỷ USD.

- Tuy nhiên của cải chỉ tập trung trong tay một số rất nhỏ những đại gia, tăng trưởng kinh tế chỉ làm giàu cho nhóm người này; họ phổ biến sự giàu có một cách thối nát. Người ta chứng kiến thường xuyên những đám cưới xa hoa với hàng trăm xe Lexus, Mercedes, BMW và cả Ferrari, Lamborghini, Rolls Royce



MỤC LỤC

1. Một cơ hội mới cho Việt Nam ?

Thông Luận

2. Chế độ cộng sản sẽ còn kéo dài tới bao giờ ?

Nguyễn Gia Kiểng

5. Bài học cho những chế độ độc tài

Nguyễn Văn Huy

6. Doanh nhân và dân chủ

Việt Hoàng

8. Hoan hô chế độ Apartheid !

Hoàng Việt

10. Một chọn lựa tự sát

Báo Tổ Quốc

11. Đầu năm đọc truyện Tàu

Nguyễn Minh

12. Những vấn đề trong phát triển với tốc độ cao

Trần Kha

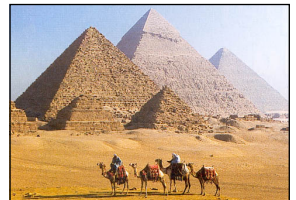
14. Kinh tế thị trường có đạo đức không ?

Nguyễn Gia Thường

16. Ai Cập

Đầy

mới tinh lướt qua đường phố như khiêu khích đám đông nghèo khổ. Không những thế nhóm người quyền thế này còn nhẫn tâm cướp đoạt đất đai của nông dân, tạo ra một khối dân oan hàng triệu người.



- Một trong những trở ngại lớn của Ai Cập để có thể phát triển lành mạnh là tham nhũng. Tham nhũng hiện diện một cách áp đảo trong mọi hoạt động như một luật lệ. Chính quyền Ai Cập không ngừng kêu gào chống tham nhũng nhưng tham nhũng vẫn chỉ tăng lên chứ không giảm đi. Ngày nay tại Ai Cập nói chống tham nhũng là nói đùa.

- Đảng cầm quyền tại Ai Cập từ hơn ba thập niên qua là đảng Quốc Gia Dân Chủ, thành viên của Quốc Tế Xã Hội Chủ Nghĩa. Đảng này tự nhận là đại diện chân chính của giai cấp công nông và nhân dân Ai Cập và khống chế tất cả. Qua những cuộc bầu cử bịp bợm kiểu đảng cử dân bầu các đảng viên luôn chiếm trên 90% số đại biểu quốc hội. Phần còn lại chủ yếu là những tay sai ngoan ngoãn. Quốc hội Ai Cập chỉ là một cỗ máy giờ tay.

- Những người đối lập dân chủ ôn hòa bị sách nhiễu hàng ngày, nhiều người bị bắt và giải tòa vì tội tuyên truyền chống nhà nước. Các phiên tòa chính trị Ai Cập đặc biệt thô bỉ; các thẩm phán vô liêm sỉ không xét xử theo luật pháp và lương tâm mà chỉ đọc những bản án đã do đảng quyết định trước.

- Những người lãnh đạo đảng cầm quyền đều không có công lao gì mà chỉ có thành tích tham nhũng. Họ sống thành một giai cấp riêng, không khác một lực lượng chiếm đóng. Họ nhân danh một quá khứ đấu tranh giành độc lập của đảng mà họ không hề góp phần vì đã quá xa xưa và sử dụng chiêu bài xây dựng một chủ nghĩa xã hội mà họ không bao giờ định nghĩa. Họ cũng rất chia rẽ và thù ghét nhau. Tất cả chỉ là những con người mờ nhạt, thiếu cả đạo đức, kiến thức lẫn ý chí. Chế độ của họ chỉ tồn tại được vì trí thức Ai Cập quá hèn.

Đầy